

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Quang Huy
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ
TUẤN TÚ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Bùi Quang Huy

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Quang Huy

Mã SV: 1512401110

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu Quốc tế Tuấn Tú.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC;
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú;
 - ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Suru tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - ✓ **Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú.**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty TNHH TM xuất nhập khẩu Tuấn Tú.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Quang Huy

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.2.1 Doanh thu	2
1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2.3 Chi phí và phân loại chi phí	4
1.1.2.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	5
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC	7
1.2.1 Nội dung kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	8
1.2.2 Nội dung kế toán giá vốn hàng bán	10
1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	10
1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng	11
1.2.2.3 Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	13
1.2.3 Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh	14
1.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng	14
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	14
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	15
1.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	15
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	15

1.2.4.2	Tài khoản sử dụng	16
1.2.4.3	Phương pháp hạch toán	17
1.2.5	Nội dung kế toán thu nhập khác	18
1.2.5.1	Chứng từ sử dụng	18
1.2.5.2	Tài khoản sử dụng	19
1.2.5.3	Phương pháp hạch toán	20
1.2.6	Nội dung kế toán chi phí khác	21
1.2.6.1	Chứng từ sử dụng	21
1.2.6.2	Tài khoản sử dụng	21
1.2.6.3	Phương pháp hạch toán	22
1.2.7	Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.2.7.1	Chứng từ sử dụng	22
1.2.7.2	Tài khoản sử dụng	22
1.2.7.3	Phương pháp hạch toán	24
1.3	Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	25
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái	26
1.3.3	Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	27
1.3.4	Hình thức kế toán máy	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK QUỐC TẾ TUẤN TÚ		
THƯƠNG MẠI XNK QUỐC TẾ TUẤN TÚ		29
2.1	Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú....	29
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	29
2.1.2	Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	30
2.1.3	Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.	31
2.1.4	Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.	32
2.1.5	Đặc điểm công tác kế toán của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.	34
2.1.5.1	Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	34

2.1.5.2 Chế độ kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.1.5.3 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.....	36
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	38
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	38
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng.....	38
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng.....	38
2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng.....	38
2.2.1.5 Ví dụ minh họa.....	40
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	46
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	46
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	46
2.2.2.3 Sổ sách kế toán sử dụng.....	46
2.2.2.4 Quy trình ghi sổ kế toán.....	46
2.2.2.5 Ví dụ minh họa.....	47
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	55
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....	55
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	55
2.2.3.3 Sổ sách kế toán sử dụng.....	55
2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán.....	55
2.2.3.5 Ví dụ minh họa.....	56
2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	63
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng.....	63
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	63
2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng.....	63
2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán.....	63
2.2.5 Thực trạng công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	67
2.2.6 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú.....	67

2.2.7	Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	67
2.2.7.1	Chứng từ sử dụng	67
2.2.7.2	Tài khoản sử dụng	67
2.2.7.3	Sổ sách kế toán sử dụng	67
2.2.7.4	Quy trình ghi sổ kế toán	68
2.2.7.5	Ví dụ minh họa	68
2.2.8	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	72
2.2.8.1	Chứng từ sử dụng	72
2.2.8.2	Tài khoản sử dụng	72
2.2.8.3	Sổ sách kế toán sử dụng	72
2.2.8.4	Quy trình ghi sổ kế toán	72
2.2.8.5	Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh	73
	CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM XNK QUỐC TẾ TUẤN TÚ.....	81
3.1	Đánh giá thực trạng công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	81
3.1.1	Ưu điểm.....	81
3.1.2	Hạn chế.....	82
3.1.2.1	Về việc ứng dụng công nghệ thông tin	82
3.1.2.2	Về hệ thống các sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí trong công ty....	82
3.1.2.3	Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán	83
3.2	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	83
	KẾT LUẬN	90
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương pháp trực tiếp.....	8
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý	9
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (trả góp)	10
Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX	13
Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.....	13
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	15
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	17
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	22
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	25
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	26
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	27
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	28
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú	32
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	37
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	39
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú	46
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	55
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	63
Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ chi phí khác tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú	68
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.....	72

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000045	41
Biểu số 2.2: Giấy báo có	42
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000067	43
Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung.....	44
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511	45
Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho Chai bồ gan giải rượu ngày 05/09	48
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho Cao Hồng sâm ngày 20/09.....	49
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết hàng hóa.....	50
Biểu số 2.9: Sổ chi tiết hàng hóa.....	51
Biểu 2.10: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho hàng hóa.....	52
Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung.....	53
Biểu số 2.12: Sổ cái TK 632	54
Biểu số 2.13: HĐ GTGT 0001201	57
Biểu số 2.14: Phiếu chi 228.....	58
Biểu số 2.15: HĐ GTGT 0001086	59
Biểu số 2.16: Phiếu chi 284.....	60
Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642	62
Biểu số 2.19: Giấy báo có	64
Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung.....	65
Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515	66
Biểu số 2.22: Phiếu chi 098.....	69
Biểu số 2.23: Sổ nhật ký chung.....	70
Biểu số 2.24: Sổ cái TK 811	71
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 135	74
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 136	75
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 137	76
Biểu số 2.28: Sổ nhật ký chung.....	77
Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911	78
Biểu số 2.30: Sổ cái TK 421	79
Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	80
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	86
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh	88
Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	87

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển hơn, đời sống người lao động cũng ngày càng được cải thiện. Nhưng để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải có sự cố gắng tối đa trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh. Cũng để đạt được mục đích đó, công tác kế toán đóng một vai trò rất quan trọng, thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý, giúp họ trong việc đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời, giúp đơn vị thực hiện được các mục tiêu đề ra.

Nhận thức được tầm quan trọng trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường với môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để chống chọi với sức ép đó và có thể đứng vững trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh cụ thể, biết kinh doanh hiệu quả, quản lý nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, tăng cường lợi nhuận. Chính vì vậy, yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được đề cao.

Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để có thể tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Qua đó, cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu được bên thứ ba (Ví dụ: Nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm

chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

+ Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.2.3 Chi phí và phân loại chi phí

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyên hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ: là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- Kết quả hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- Kết quả hoạt động khác: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:

• Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

• Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

• Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

• Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác

• Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình

thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Nội dung kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

🚩 Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hoá: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và đầu tư bất động sản

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

🚩 Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112: Doanh thu bán sản phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118: Doanh thu khác.

Kết cấu của tài khoản 511:

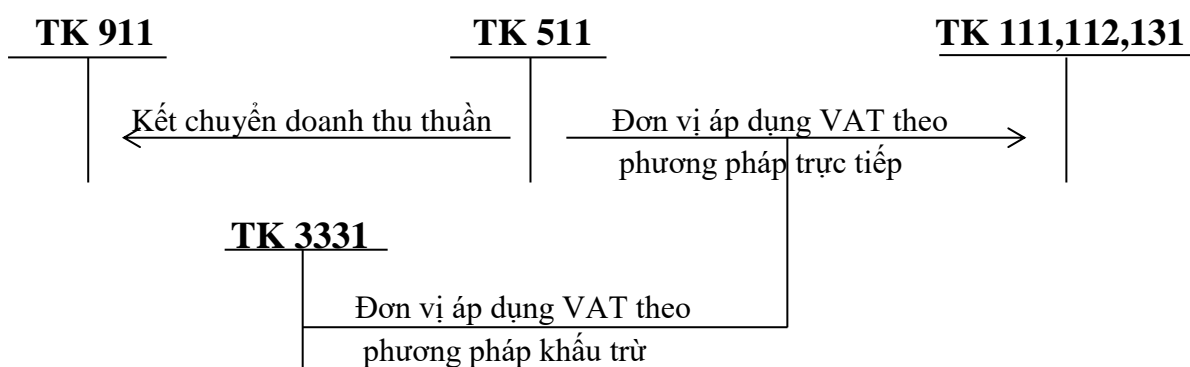
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang bên Có Tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh". 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ trong kỳ. - Các khoản trợ giá, phụ thu được tính vào doanh thu.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

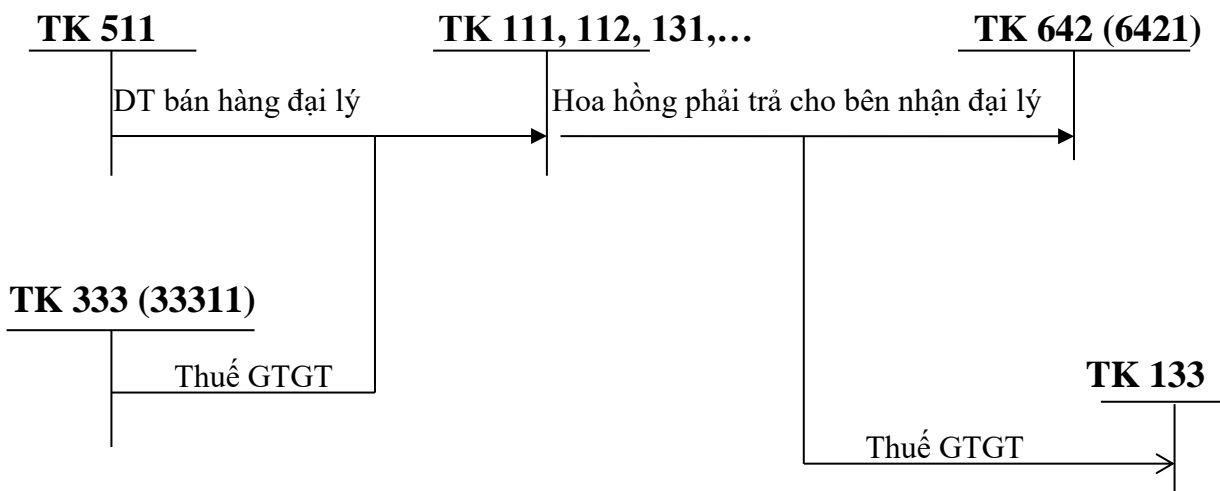


Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương pháp trực tiếp

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu

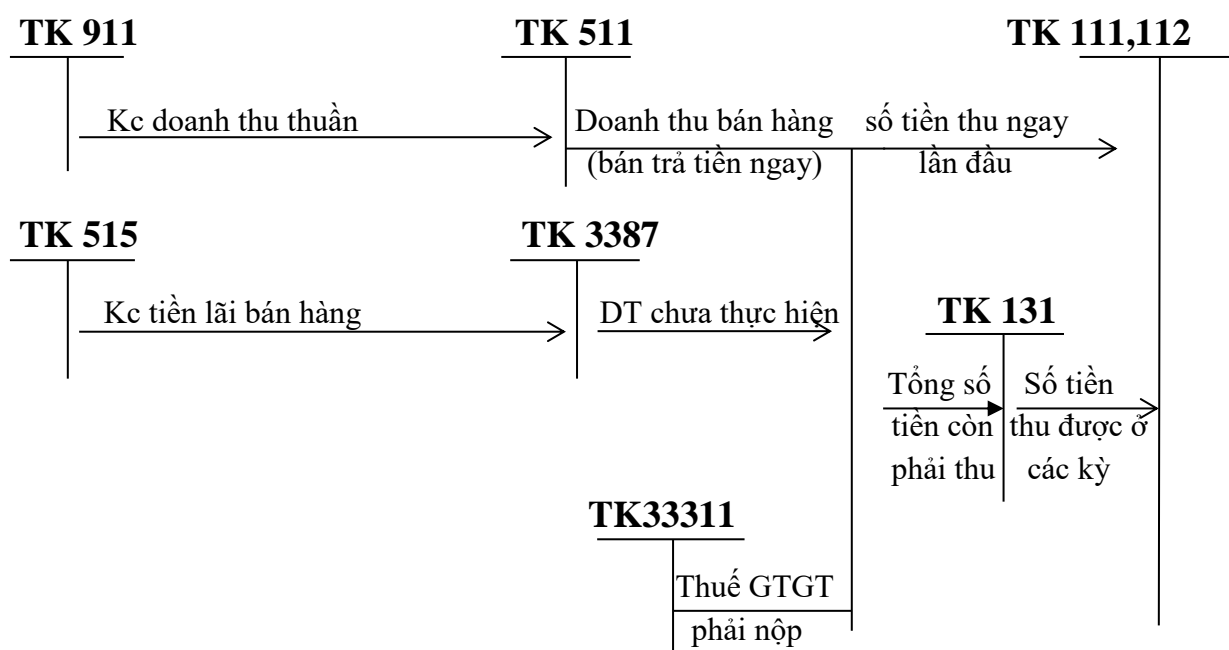
của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỉ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được.



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (trả góp)

1.2.2 Nội dung kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- *Đơn giá xác định theo bình quân cả kỳ:* Là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kì trên cơ sở tính giá bình quân cả kì.

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- *Phương pháp bình quân liên hoàn:* Trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn trước khi xuất kho}}{\text{Số lượng hàng tồn trước khi xuất kho}}$$

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước:* Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- *Phương pháp thực tế đích danh*: Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với doanh nghiệp nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

- *Phương pháp bán lẻ*: Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự). Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn.

1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

 **TK 632 - Giá vốn hàng bán**

Kết cấu TK 632:

- *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

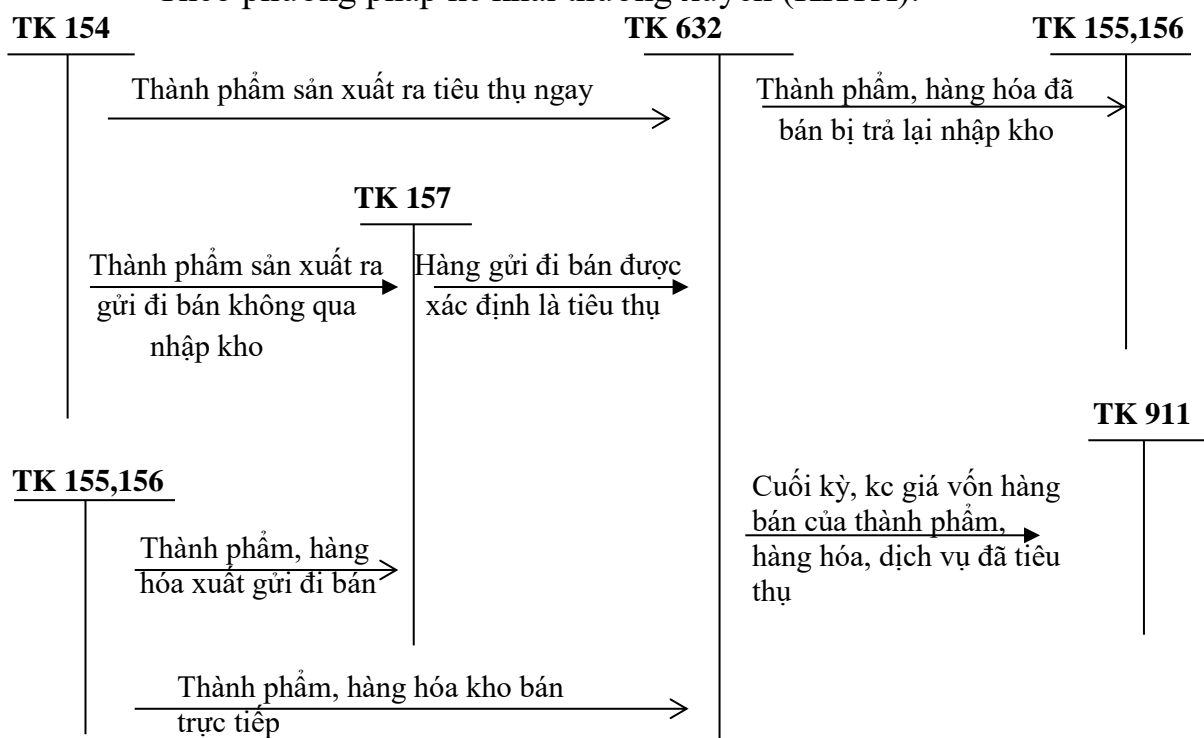
- *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

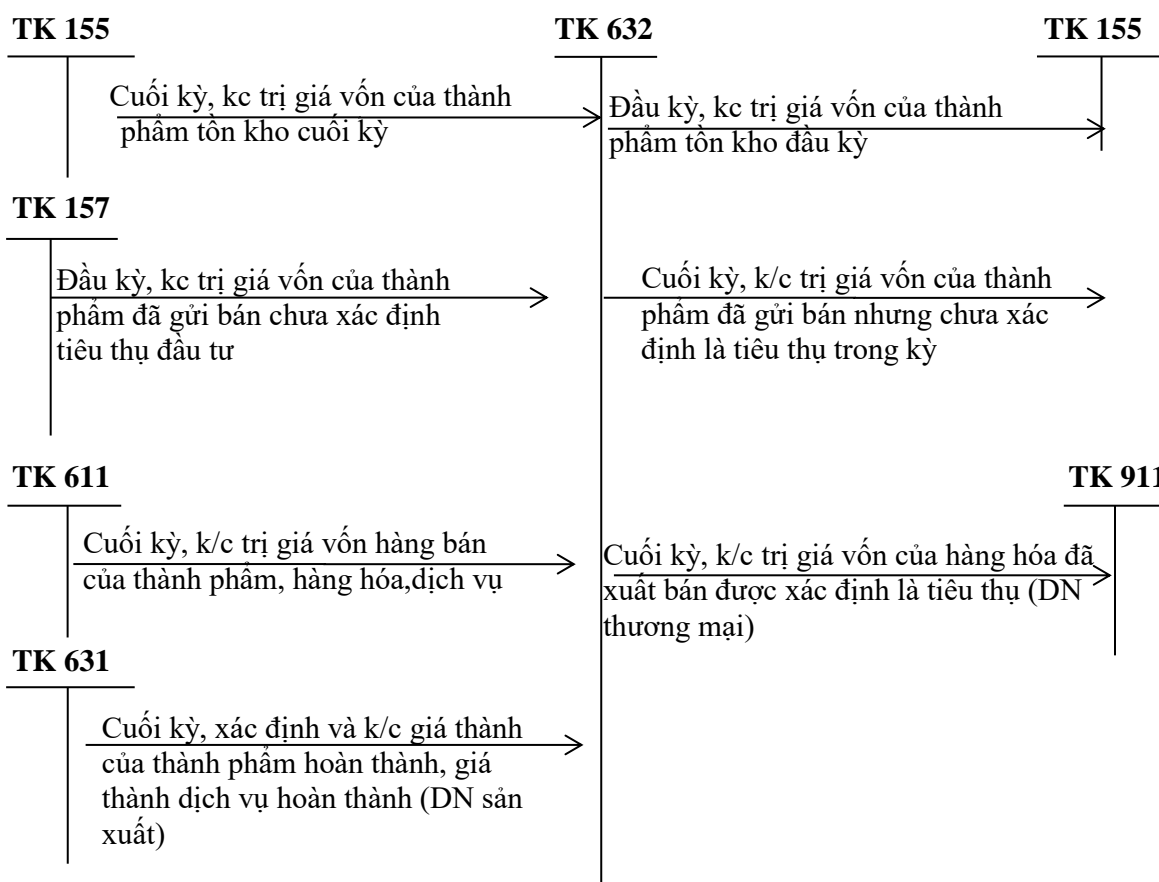
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- Theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX):



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK):



Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

1.2.3 Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh**1.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng**TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh****Các tài khoản cấp 2:**

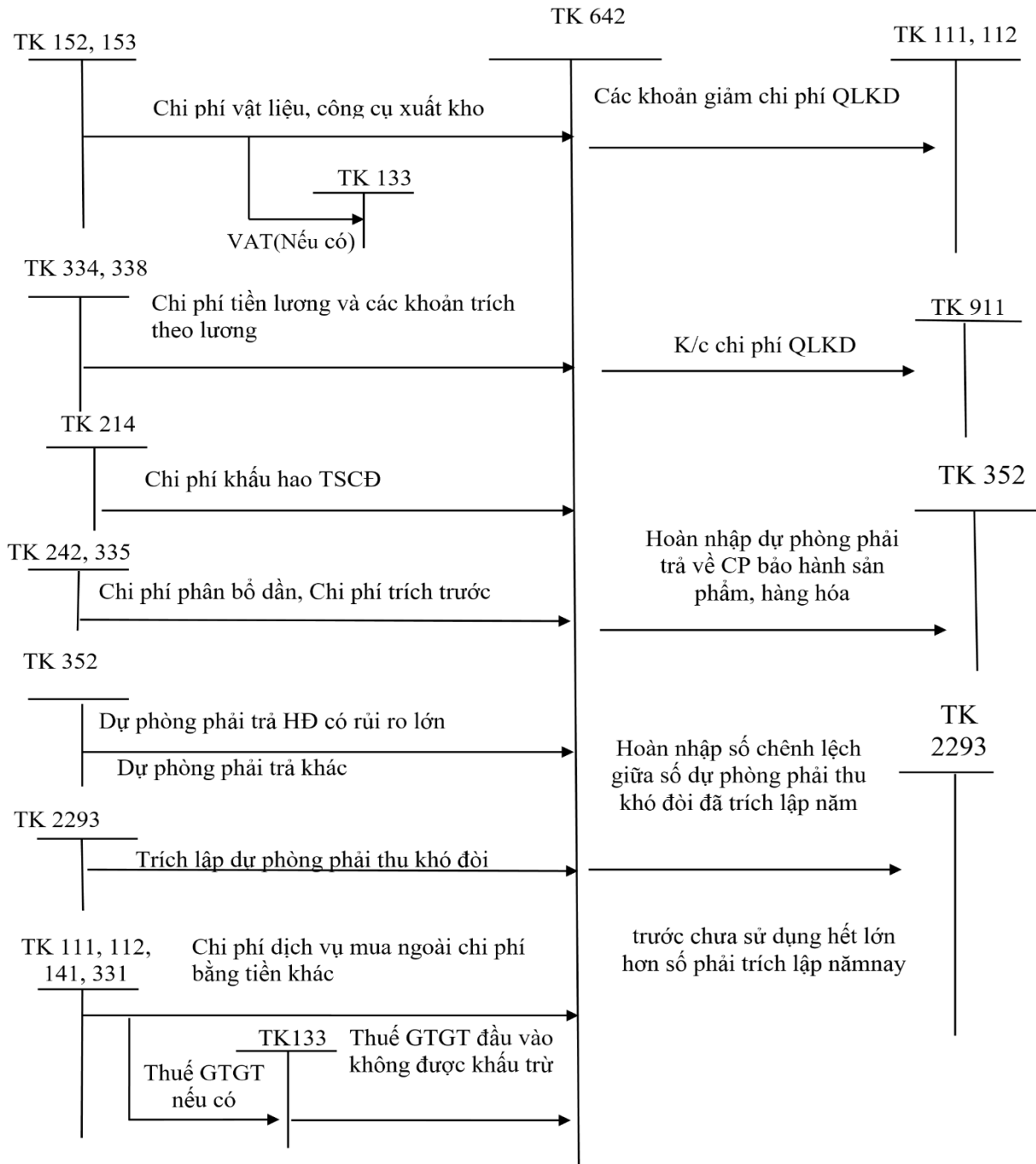
- TK 6421: chi phí bán hàng
- TK 6422: chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu của tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan


1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

 **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

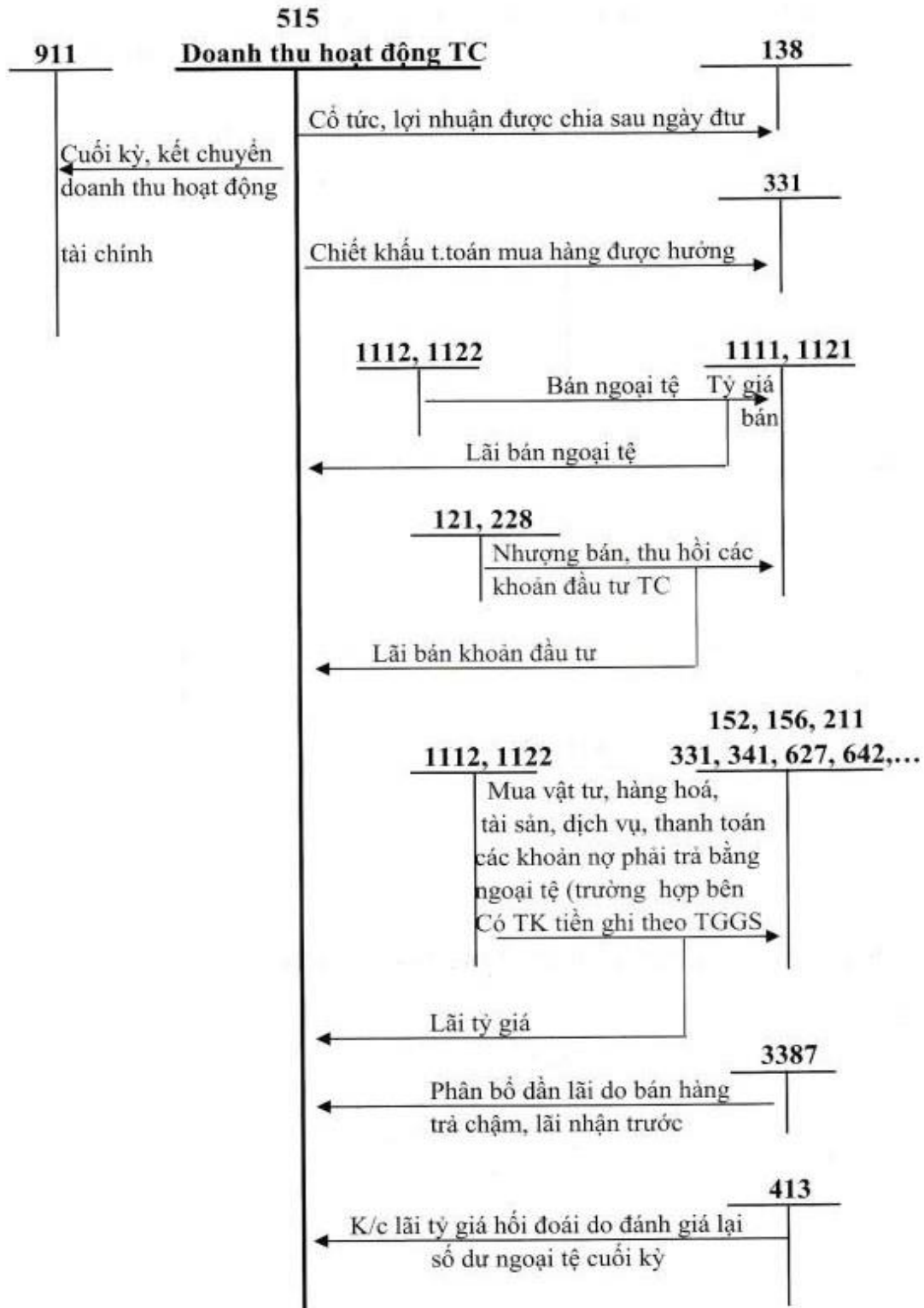
 **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Kết cấu của tài khoản 635:

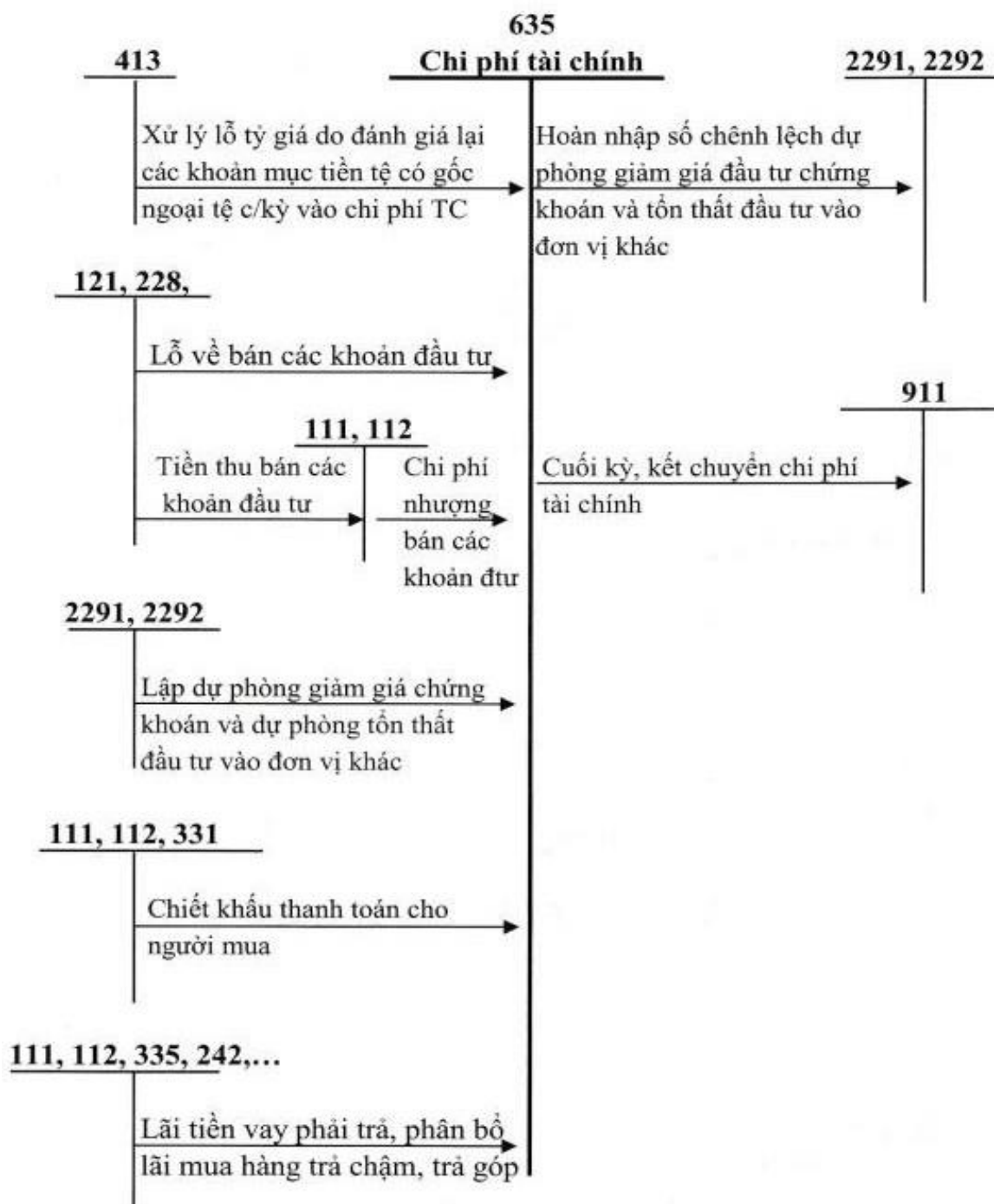
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính




Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.5 Nội dung kế toán thu nhập khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

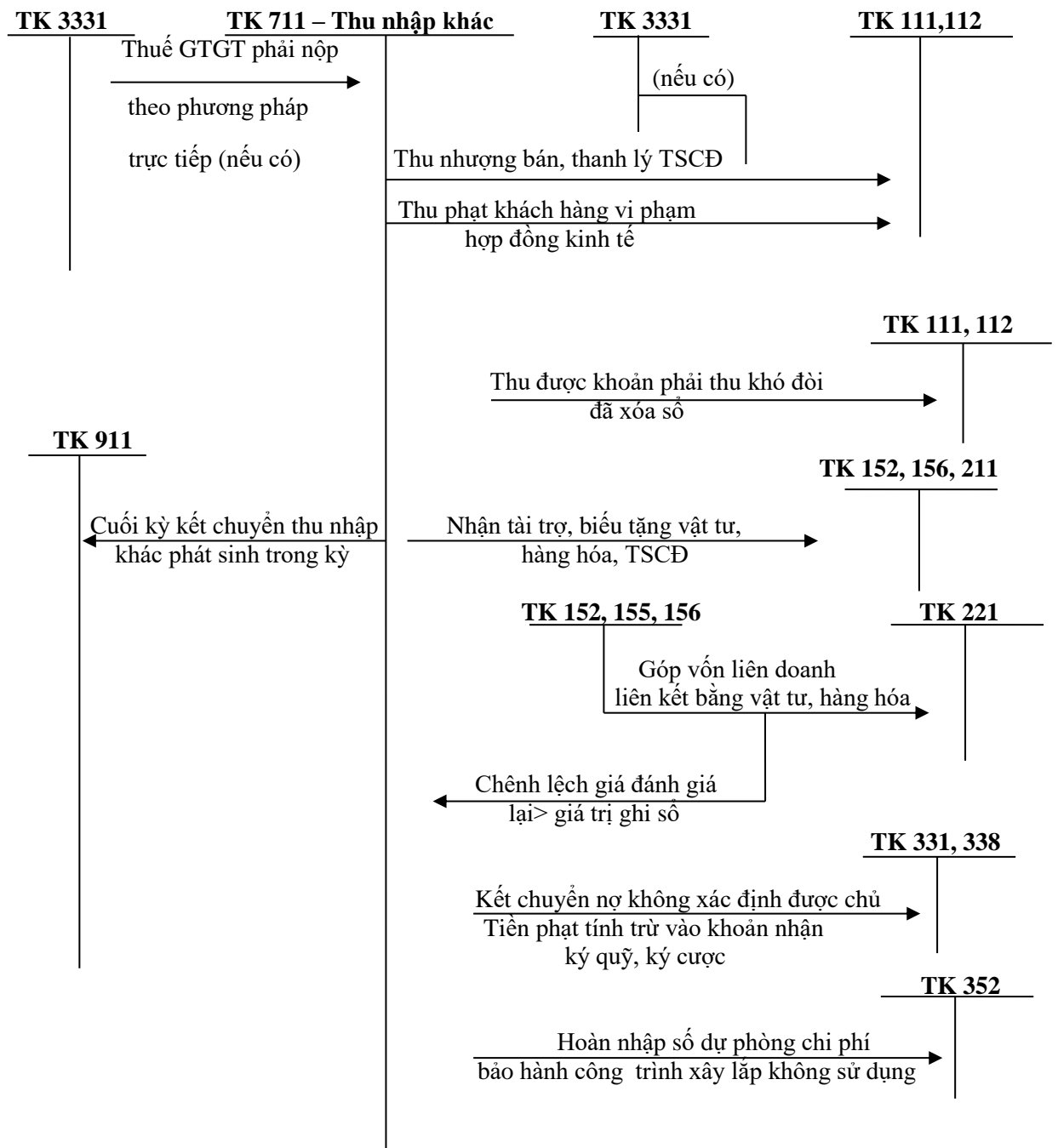
 **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.6 Nội dung kế toán chi phí khác**1.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

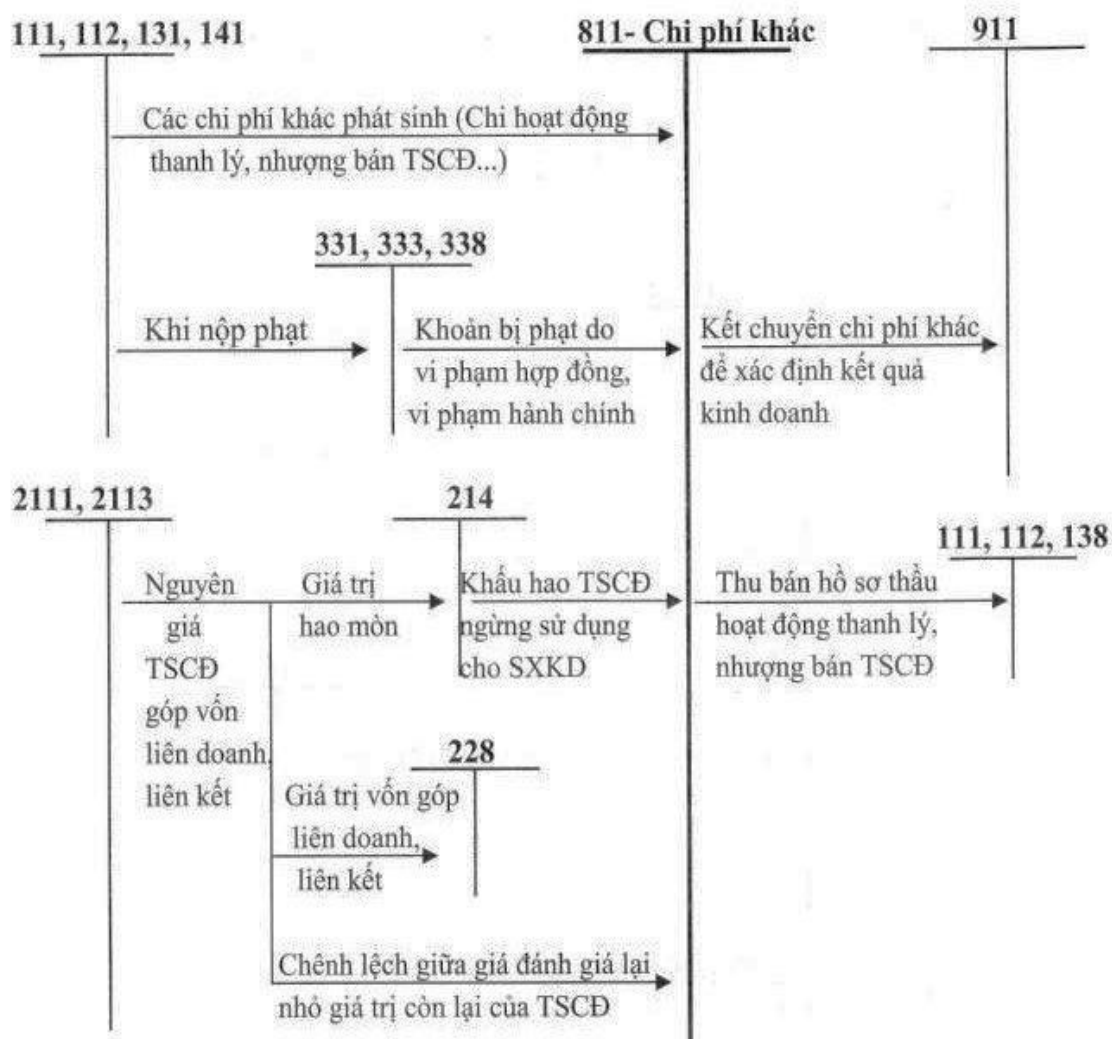
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng**✚ Tài khoản 811 – Chi phí khác****Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong tài khoản TK 811 sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.7 Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

✚ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu của tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

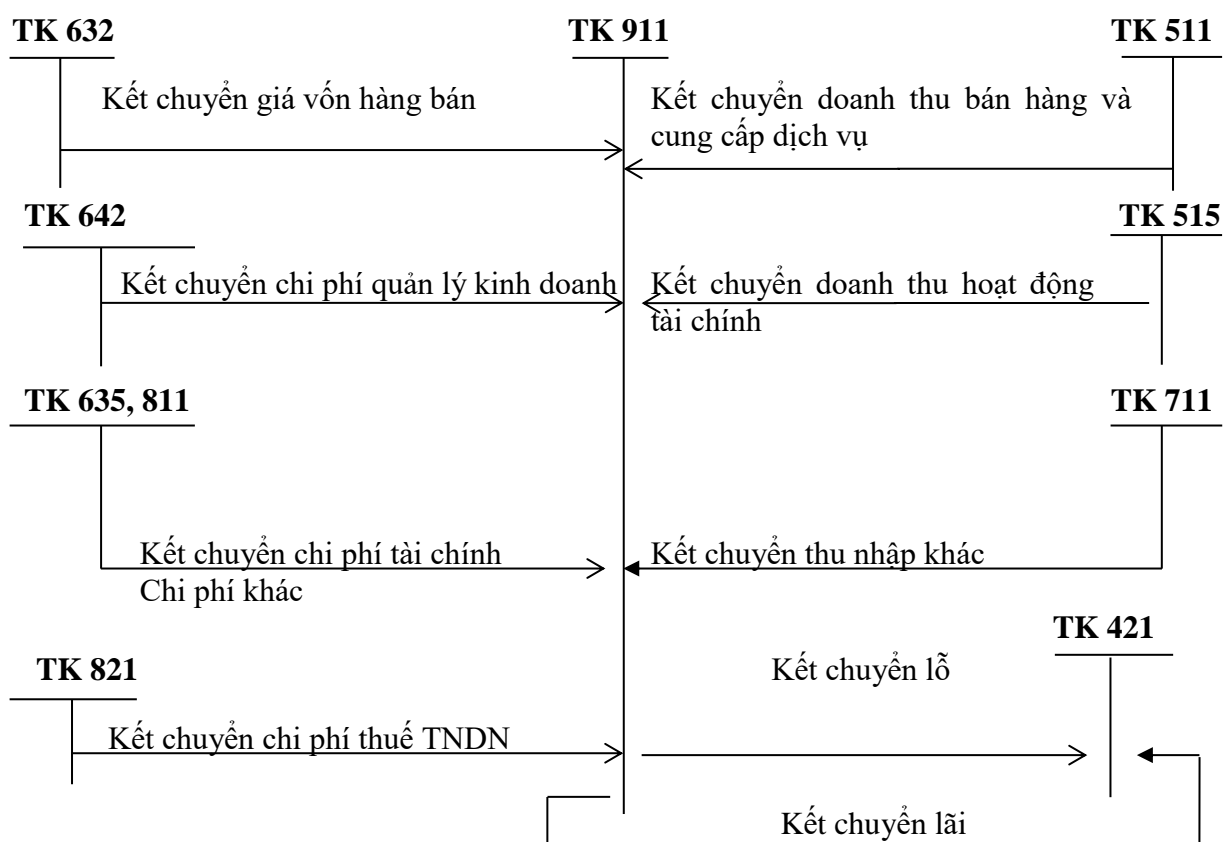
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu của tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

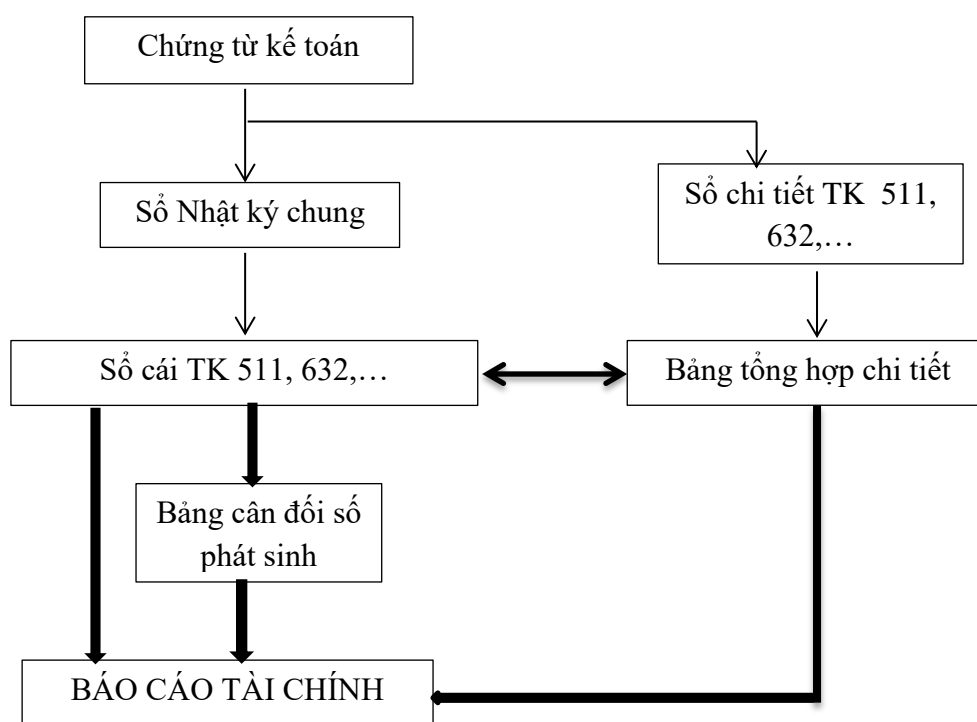
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp

1.3 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung



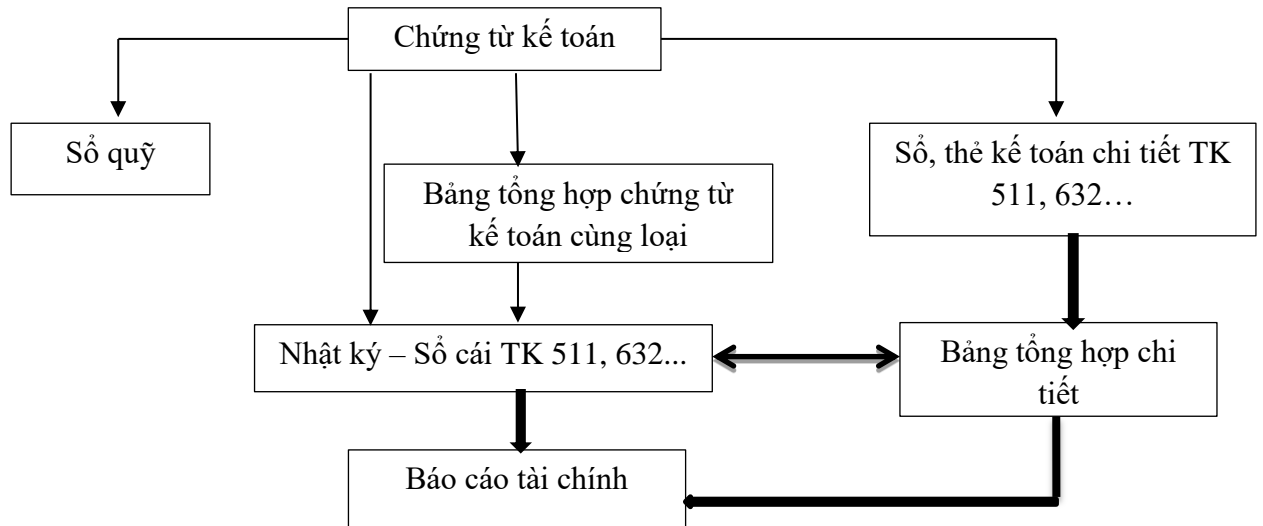
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

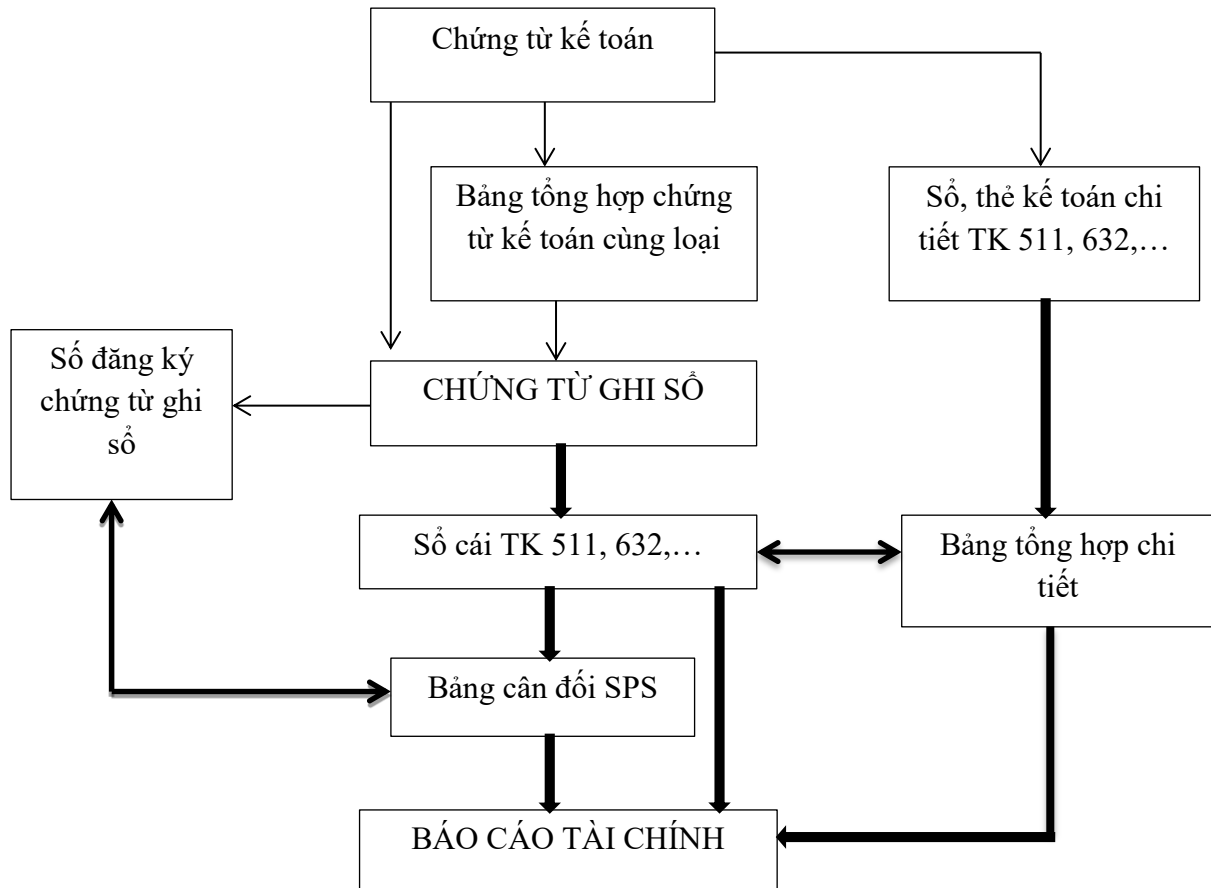
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

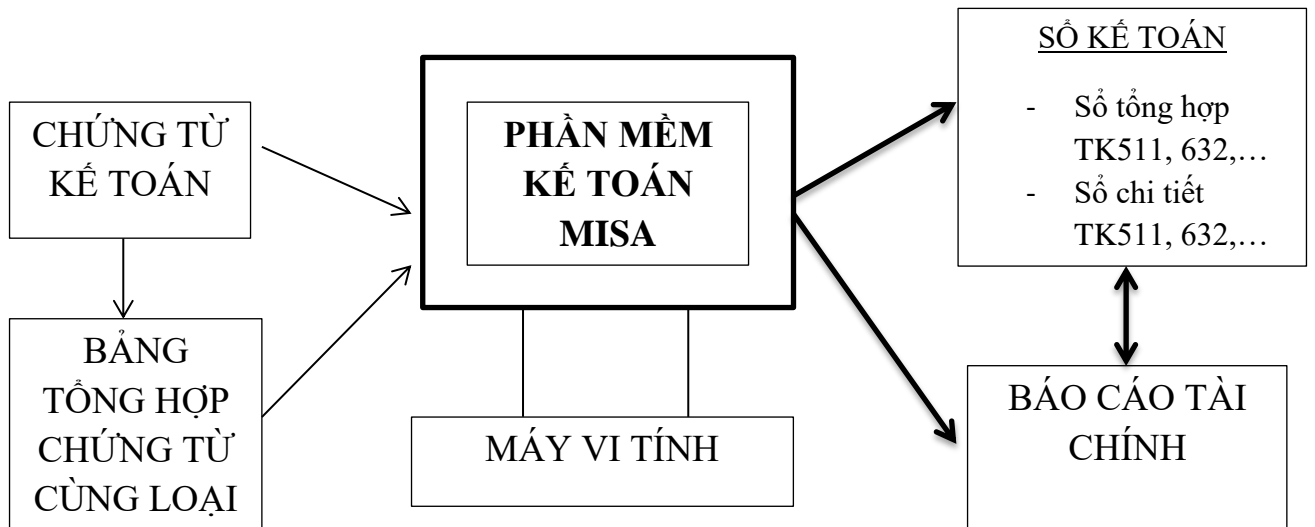
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4 Hình thức kế toán máy

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK QUỐC TẾ TUẤN TÚ

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú

- Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Tuấn Tú
- Tên giao dịch: TUAN TU INTERNATIONAL EXPORT IMPORT TRADE COMPANY LIMITED.
- Tên viết tắt: Nhân sâm Tuấn Tú.
- Trụ sở chính: Thôn Dương Tiền, Xã Trấn Dương, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.
- Đăng ký kinh doanh: cấp ngày 30/11/2012 tại sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0201284834
- Điện thoại: 0225 3729 266
- Fax: 0225 3735 558
- Email: ctyтуantuhp@gmail.com
- Số tài khoản : 14060000007897 tại Ngân hàng ACB Hải Phòng
- Người đại diện: Trần Văn Tuấn
- Các địa điểm kinh doanh:
 - + Số 58 Văn Cao, Đằng Giang, Ngô Quyền , Hải Phòng
 - + Số 12 Nguyễn Bình, Đồng Quốc Bình , Ngô Quyền, Hải Phòng
 - + Số 363 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
 - + Số 18 Nguyễn Đức Cảnh, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú là doanh nghiệp được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 1/2013. Chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng từ Hàn Quốc.

Ngày 12/3/2014: Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú trở thành thành viên của tổ chức kết nối Doanh nhân BNA Việt Nam.

Ngày 15/4/2014: Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú gia nhập Cộng đồng doanh nhân HBC.

Ngày 20/7/2014: Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú là thành viên chính thức của Cộng Đồng Giá Quá Tốt để đưa những sản phẩm có thương hiệu hàng đầu Hàn Quốc, với giá cả hợp lý đến tận tay người tiêu dùng Việt Nam.

Ngày 21/6/2016: Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú chứng nhận là hội viên chính thức Hội Doanh nhân trẻ Hải Phòng.

Ngày 22/2/2016: Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú được chứng nhận là hội viên chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Ngày 8/5/2016: Sản phẩm Nước Bỏ Gan Hovennia đã được Hiệp Hội Thực Phẩm Chức Năng Việt Nam Trao Giải Thưởng “Sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng” (VAFF)

Về Lĩnh vực Xuất Nhập Khẩu: Đối tác hợp tác lâu dài của Công ty là Công ty Sante 365 có địa chỉ: Seoul - Hàn Quốc.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH Thương mại XNK quốc tế Tuấn Tú không ngừng hoàn thiện để mang đến cho khách hàng những sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng từ Hàn Quốc có chất lượng tốt, với giá cả phù hợp cho người tiêu dùng Việt Nam.

2.1.2 Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.

Chuyên nhập khẩu các loại thực phẩm chức năng, mỹ phẩm Hàn Quốc (An Cung Ngưu Hoàng Hoàn, Tuần Hoàn Não, Sâm, Nấm Linh chi, Đông Trùng Hạ Thảo, Tinh Dầu Thông Đỏ, Mỹ Phẩm....)

Bán buôn, bán lẻ thực phẩm chức năng cho các cửa hàng dược phẩm, cửa hàng xách tay.

Bán buôn bán lẻ các loại đồ dùng gia đình như gối com, chăn đệm,..

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.

- Tầm nhìn

+ Nhập khẩu, bán buôn – bán lẻ các thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, đồ dùng gia đình,.. có nguồn gốc Hàn Quốc đến tận tay người tiêu dùng, tuyệt đối không trát trộn hàng giả hàng nhái, hàng kém chất lượng để lừa người tiêu dùng. Khẳng định vị thế của Công ty và chiếm lĩnh vị trí số 1 tại thị trường Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung.

+ Xây dựng chính sách tốt cho khách hàng, đại lý và nhà phân phối: Công ty chuyên cung cấp và phân phối cho các cửa hàng, đại lý dược phẩm, các siêu thị đồ Hàn, các cửa hàng xách tay, bán lẻ thực phẩm chức năng, Những người hay đi du lịch Hàn Quốc, những khách hàng có nhu cầu mua quà biếu,... Trao đổi hàng hóa giữa các đối tác trong và ngoài nước.

+ Nâng cao uy tín và thương hiệu của công ty: Mở rộng thêm các chi nhánh, chất lượng sản phẩm là hàng đầu mà Công ty hướng đến.

+ Duy trì và thiết lập quan hệ tốt với khách hàng: giúp khách hàng phân biệt hàng thật với hàng giả, tổ chức những dịp tri ân khách hàng.

+ Công ty đã và đang xây dựng chiến lược giá cả phù hợp nhất, những sản phẩm mới nhất, đi kèm với chất lượng tốt nhất bên Hàn.

+ Công ty đồng thời đẩy mạnh đội ngũ nhân viên có trình độ năng lực tốt, biết tiếng Hàn, giao tiếp tốt, tư vấn nhiệt tình những sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu của khách hàng.

- Sứ mệnh

Phát triển không ngừng để Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú luôn là Công ty hàng đầu tại Việt Nam về phân phối các mặt hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc.

- Giá trị cốt lõi

+ Uy tín

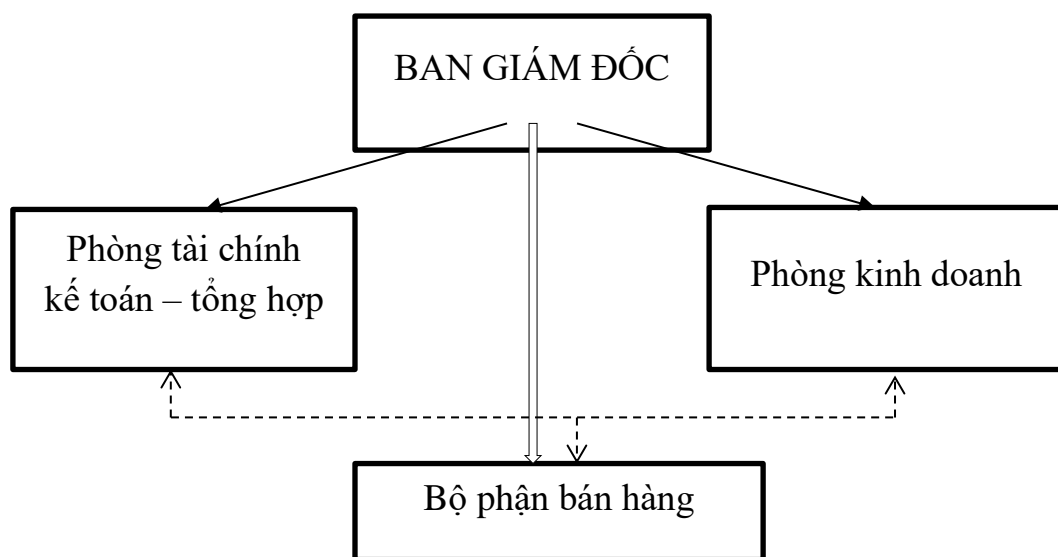
+ Chất lượng

+ Hiệu quả

- + Chuyên nghiệp
- + Hợp tác và phát triển bền vững

2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú.

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú trên cơ sở tổ chức bộ máy quản lý điều hành hoạt động hợp lý, khoa học, gọn nhẹ mà vẫn đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú theo mô hình trực tuyến chức năng và được tổ chức theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các bộ phận phòng ban như sau:

✚ Ban giám đốc: Bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ mọi hoạt động kinh doanh của công ty, là người lãnh đạo và quản lý mọi mặt. Nghiên cứu các báo cáo hàng ngày, hàng tháng để nắm bắt tình hình đề ra các biện pháp cần thiết, quyết định cơ cấu quản lý nhân sự, cân nhắc sa thải, tuyển dụng, phân công quyền hạn rõ ràng và nghĩa vụ của mỗi bộ phận.

- Phó Giám đốc tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc điều hành các phòng ban, công tác sản xuất của Công ty.

Phòng tài chính kế toán – tổng hợp

- Quản lý các chi phí đầu vào, đầu ra của công ty.
- Có trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính của công ty cho lãnh đạo khi có yêu cầu. Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty. Đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, kiểm tra đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty.

- Quản lý doanh thu, lượng hàng, công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định,... thanh toán hợp đồng, tham gia đàm phán các hợp đồng kinh tế.

- Phản ánh và giám sát tất cả các hoạt động kinh tế, quản lý, kiểm tra hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán – thống kê, quản lý tài chính theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.

- Tổ chức hạch toán, thống kê kế toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng kinh doanh

- Tham mưu cho lãnh đạo về các chiến lược kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh định kỳ theo tháng, quý, năm.

- Giám sát và kiểm tra chất lượng công việc, sản phẩm của các bộ phận khác nhằm mang đến khách hàng chất lượng dịch vụ cao.

- Có quyền nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo các chiến lược kinh doanh. Nghiên cứu chính sách, chế độ pháp luật về kinh tế, tài chính để áp dụng vào các hợp đồng đối với các đối tác cho phù hợp để hai bên cùng có lợi, đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết.

- Nghiên cứu về thị trường, đối thủ cạnh tranh. Báo cáo thường xuyên về tình hình chiến lược, những phương án thay thế và cách hợp tác với các khách hàng.

Bộ phận bán hàng

- Thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban giám đốc đưa ra.

- Lên kế hoạch soạn thảo tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho quản lý và nhân viên. (Nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ bán hàng, nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ trưng bày...)

- Lập kế hoạch cho chương trình quảng cáo và khuyến mãi thúc đẩy việc bán hàng.

- Tổ chức hệ thống thu thập về hàng hóa: nhập xuất tồn, vận tốc bán, dự trữ hàng tồn kho

- Tổ chức thu thập thông tin về mẫu sản phẩm mới, ý kiến khách hàng.

- Tham mưu đề xuất cho BGD để xử lý các công tác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

- Kiểm tra giám sát công việc của nhân viên thuộc bộ phận mình, quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc bộ phận.

- Lập kế hoạch giao việc cho nhân viên thuộc phạm vi quản lý của bộ phận mình, kiểm tra giám sát nhân viên.

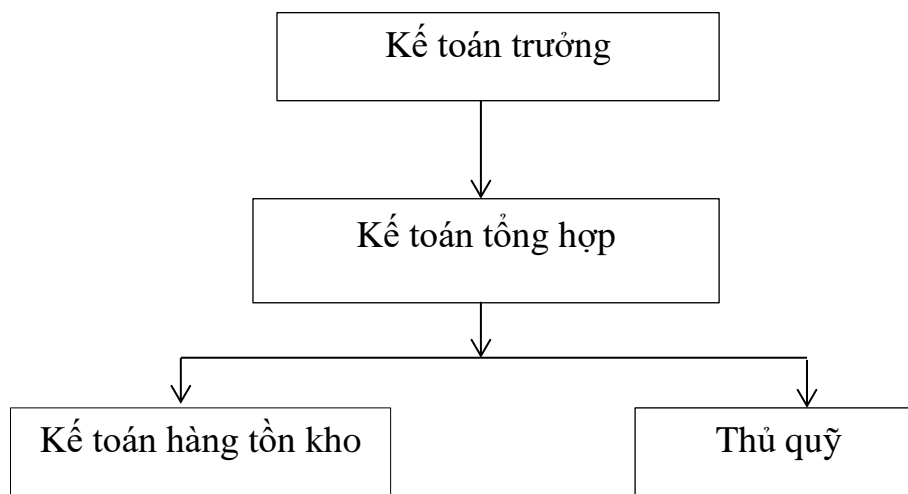
2.1.5 Đặc điểm công tác kế toán của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú.

2.1.5.1 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú là một Công ty chuyên xuất nhập khẩu hiện nay căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, phạm vi hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.

Phòng kế toán là nơi tập trung toàn bộ chứng từ và xử lý theo từng phần hành công việc, các nhân viên kế toán có nhiệm vụ thống kê hạch toán ban đầu, theo dõi thu nhập thông tin, kiểm tra sơ bộ chứng từ và phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động của bộ phận đó rồi gửi chứng từ đó về kế toán trưởng. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất với công tác

chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kế toán kịp thời, chặt chẽ, thuận lợi cho việc phân công lao động và nâng cao lợi nhuận.



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung, có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của Công ty, chỉ đạo thống nhất trong phòng tài chính kế toán. Kế toán trưởng còn là người giúp việc cho Giám đốc về chuyên môn.

Tổ chức bộ máy kế toán gọn gàng, khoa học, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý kinh tế. Chịu trách nhiệm lập và nộp báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu chứng từ, lưu giữ bí mật số liệu quy định của nhà nước.

- **Kế toán tổng hợp:** Là người đứng sau kế toán trưởng. Tổng hợp các số liệu của các bộ phận, lên sổ sách và lập báo cáo cuối kỳ, cuối năm; Báo cáo công việc cho kế toán trưởng và các Ban giám đốc, kế toán lương, TSCĐ.

- **Kế toán hàng tồn kho:** Chịu trách nhiệm trước trưởng phòng kế toán về việc theo dõi, hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng hóa tài khoản sử dụng 153,156. Cuối tháng kiểm kê đối chiếu giữa sổ sách và thực tế. Khi có phát hiện thừa thiếu thì báo cáo lãnh đạo để có phương pháp giải quyết kịp thời.

- **Thủ quỹ:** Hàng ngày vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, bảo quản tiền. Và thực hiện các nhiệm vụ thu chi, kiểm kê tiền định kỳ. Chịu trách nhiệm và bồi thường khi để xảy ra thất thoát do chủ quan gây ra và nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền.

2.1.5.2 Chế độ kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú, niên độ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

- Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hóa.

- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

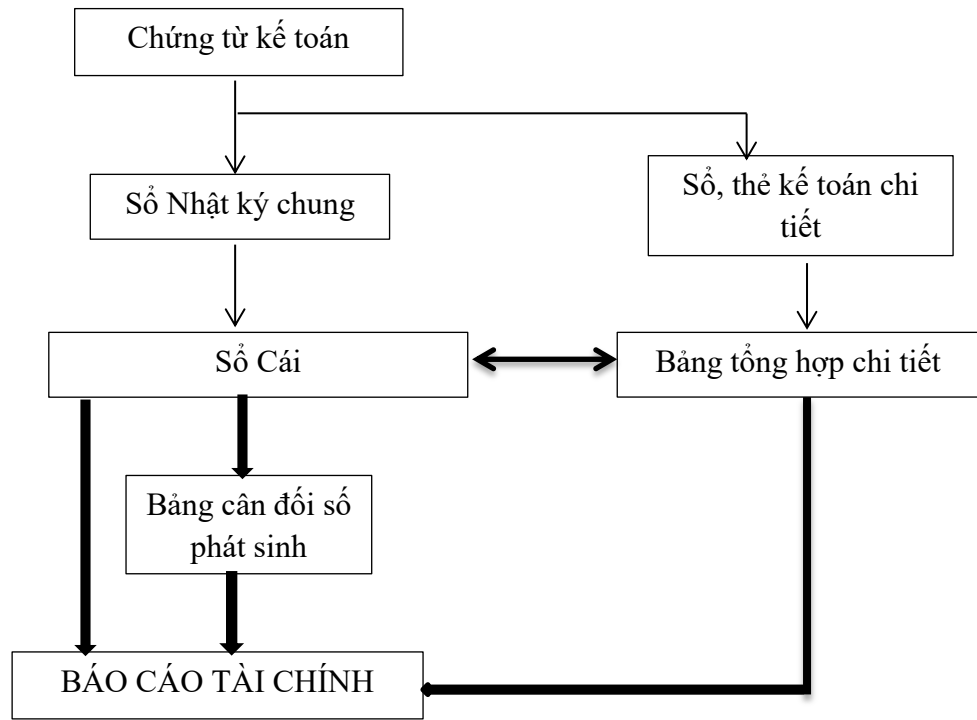
- Tính giá hàng xuất kho và tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.

2.1.5.3 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và các sổ kế toán chi tiết liên quan. Từ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản phù hợp.

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên Sổ cái và kiểm tra đối chiếu với Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết). Sau đó, căn cứ vào Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ các sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Những thông tin từ kết quả hạch toán tiêu thụ sản phẩm hay hạch toán chi phí là thông tin rất cần thiết đối với các nhà quản trị trong việc tìm hướng đi cho công ty để đề ra kế hoạch sản xuất tiêu thụ cho phù hợp. Việc thống kê các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, tỉ mỉ và khoa học sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có được các thông tin chi tiết về tình hình tiêu thụ cũng như hiệu quả sản xuất của từng mặt hàng tiêu dùng trên thị trường khác nhau. Từ đó, nhà quản trị có thể tính được mức độ hoàn thành kế hoạch, xu hướng tiêu dùng, hiệu quả quản lý chất lượng cũng như nhược điểm trong công tác tiêu thụ của từng loại sản phẩm, hàng hóa. Trên cơ sở đó, công ty xác định được kết quả kinh doanh, thực tế lãi cũng như số thuế nộp Ngân sách Nhà nước. Và cuối cùng nhà quản trị sẽ đề ra kế hoạch sản xuất của từng loại sản phẩm trong kỳ hạch toán tới, tìm ra biện pháp khắc phục những yếu điểm để hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm trong công ty.

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK liên quan khác: TK 111, TK 112, TK 131,...

2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511...

2.2.1.4 Quy trình ghi sổ kế toán

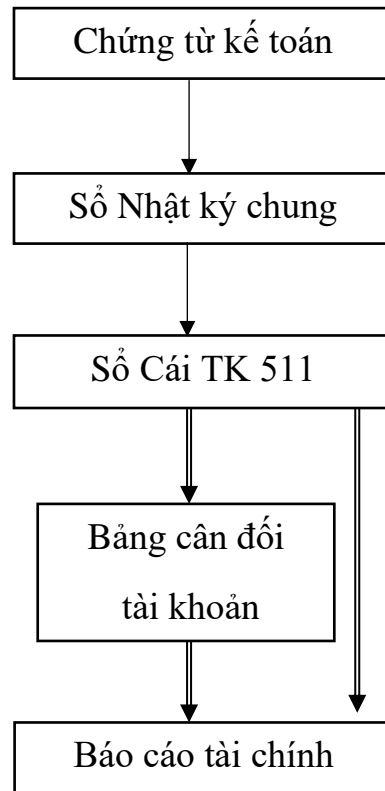
Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán làm căn

cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập Báo cáo tài chính.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.1.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 05/09/2018: Công ty bán 70 hộp Chai bồ gan giải rượu cho Công ty Cổ phần thương mại Thiên Phúc Nhân theo HĐ số 0000045 (*Biểu đồ 2.1*), đơn giá 400.000 đồng (chưa thuế VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào HĐ 0000045 (*Biểu đồ 2.1*) và giấy báo có 198 (*Biểu số 2.2*) kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 30.800.000

Có TK 511: 28.000.000

Có TK 3331: 2.800.000

Sau đó ghi vào NKC (*Biểu số 2.4*) và căn cứ vào sổ NKC (*Biểu số 2.4*) kế toán ghi sổ cái TK 511 (*Biểu số 2.5*).

Ví dụ 2: Ngày 20/09/2018: Công ty bán 35 hộp Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract cho Công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân. Theo HĐ GTGT số 0000067 (*Biểu số 2.3*), trị giá 28.750.000đ (chưa VAT 10%), chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐ 0000067 (*Biểu số 2.3*) kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 31.625.000

Có TK 511: 28.750.000

Có TK 3331: 2.875.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (*Biểu số 2.4*) và căn cứ vào sổ NKC (*Biểu số 2.4*) kế toán ghi sổ cái TK 511 (*Biểu số 2.5*)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000045

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/002			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/18P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000045			
Ngày 05 tháng 09 năm 2018					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ TUẤN TÚ Mã số thuế: 0201284834 Địa chỉ: Thôn Dương Tiền (tại nhà ông Trần Văn Lập), Xã Trán Dương, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚC NHÂN Mã số thuế: 0312315083 Địa chỉ: 78/G24 Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Chai bồ gan giải rượu	Hộp	70	400.000	28.000.000
Cộng tiền hàng:					28.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:
Tổng cộng tiền thanh toán					30.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng/.					
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị			
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.2: Giấy báo có**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 05/09/2018

Mã GDV: NTH

Số: 198

Kính gửi : Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 14060000007897

Số tiền bằng số: 30.800.000đ

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng.

Nội dung: Công ty Cổ phần thương mại Thiên Phúc Nhân trả tiền hàng.

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000067

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/002			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/18P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000067			
Ngày 20 tháng 09 năm 2018					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ TUẤN TỬ Mã số thuế: 0201284834 Địa chỉ: Thôn Dương Tiền (tại nhà ông Trần Văn Lập), Xã Trán Dương, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM DV HIỀN VINH QUÂN Mã số thuế: 0201401989 Địa chỉ: Số 2, tổ 12, đường Hoàng Minh Thảo, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Hình thức thanh toán:; Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract	Hộp	35	821.428,57	28.750.000
Cộng tiền hàng:					28.750.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			2.875.000
Tổng cộng tiền thanh toán					31.625.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tử)

Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
05/09	HĐ 0000045 GBC 198	05/09	Bán Chai bồ gan giải rượu cho công ty CP thương mại Thiên Phúc Nhân thu bằng chuyển khoản	112	30.800.000	
		05/09		511		28.000.000
				3331		2.800.000
...
15/09	HĐ 0000061 PT 104	15/09	Bán Trà linh chi cho công ty TNHH Sante 365 Việt Nam thu bằng tiền mặt	111	18.480.000	
		15/09		511		16.800.000
				3331		1.680.000
...
18/09	HĐ 0000064	18/09	Bán nước bồ gan cho công ty TNHH Tuấn Minh chưa thanh toán	131	19.800.000	
				511		18.000.000
				3331		1.800.000
...
20/09	HĐ 0000067	20/09	Bán Cao hồng sâm cho công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân chưa thanh toán	131	31.625.000	
				511		28.750.000
				3331		2.875.000
...
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Đơn vị tính : VND

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
05/09	HD 0000045	05/09	Bán hàng cho công ty CP thương mại Thiên Phúc Nhân	112		28.000.000
...
15/09	HD 0000061	15/09	Bán hàng cho công ty TNHH Sante 365 Việt Nam	111		16.800.000
...
18/09	HD 000064	18/09	Bán hàng cho công ty TNHH Tuấn Minh	131		18.000.000
...
20/09	HD 0000067	20/09	Bán hàng cho công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân	131		28.750.000
...
31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1.424.442.197	
			Cộng số phát sinh		1.424.442.197	1.424.442.197
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang
số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngàythángnăm

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

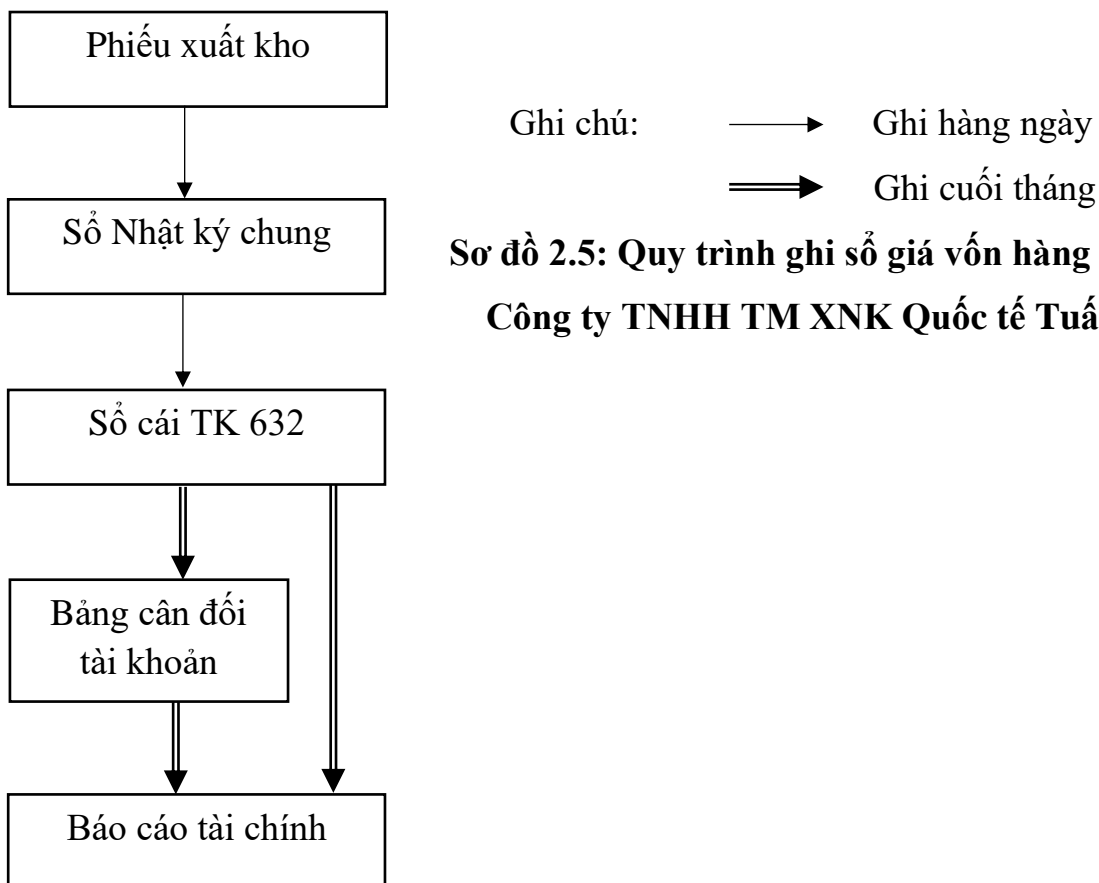
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632...

2.2.2.4 Quy trình ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 05/09/2018: Công ty bán 70 hộp Chai bổ gan giải rượu cho Công ty Cổ phần thương mại Thiên Phúc Nhân theo HĐ số 0000490 (*Biểu đồ 2.1*), trị giá 28.000.000 đồng (chưa thuế VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản.

Cách xác định đơn giá Chai bổ gan giải rượu xuất kho như sau:

- Chai bổ gan giải rượu tồn đầu kỳ là 0 đồng
- Ngày 01/09/2018, Công ty mua Chai bổ gan giải rượu nhập kho số lượng 85 đơn giá là 400.000 đồng/hộp, tổng trị giá hàng nhập kho là: 34.000.000 đồng.

- Vậy đơn giá Chai bổ gan giải rượu xuất kho trong ngày 05/09/2018 được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước là 400.000đ/h

- Trị giá xuất kho ngày 05/09 là: $400.000 \times 70 = 28.000.000$ đồng

Từ phiếu xuất kho bán hàng cho khách hàng (*Biểu số 2.6*), kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng hóa (*Biểu số 2.8*).

Ví dụ 2: Ngày 20/09/2018: Công ty bán 35 hộp Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract cho Công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân. Theo HĐ GTGT số 0000515 (*Biểu số 2.3*) với giá trị hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 28.750.000 đồng, chưa thanh toán.

Cách xác định Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract xuất kho như sau:

- Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract số lượng hàng tồn đầu tháng 9 là 20 hộp. Đơn giá hàng tồn là 800.000đ/h.

- Ngày 12/09/2018, Công ty nhập kho số lượng là 25 hộp Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract là 850.000đ/h, tổng giá trị nhập kho là 21.250.000đ.

- Vậy đơn giá Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract xuất kho được tính như sau:

Trị giá xuất kho ngày 20/09/2018 là:

$$(20 \times 800.000) + (15 \times 850.000) = 28.750.000 \text{ đồng}$$

Từ phiếu xuất kho bán hàng cho khách hàng (*Biểu số 2.7*), kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng hóa (*Biểu số 2.9*).

Sau đó ghi vào sổ NKC (*Biểu số 2.11*) và căn cứ vào sổ NKC (*Biểu số 2.11*) kế toán ghi sổ cái TK 632 (*Biểu số 2.12*).

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho Chai bỏ gan giải rượu ngày 05/09

Đơn vị: Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Địa chỉ: Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO**Số: PXK238**

Ngày 05 tháng 09 năm 2018 Nợ TK 632:

Có TK 156:

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Tuyết Dung

- Lý do xuất kho: xuất kho bán hàng cho Công ty CP thương mại Thiên Phúc Nhân theo HĐ số 0000490.

- Địa chỉ (bộ phận):

- Xuất tại kho: hàng hóa Địa điểm: Công ty TNHH TM XNK QT Tuấn Tú

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Chai bỏ gan giải rượu		Hộp	70	70	400.000	28.000.000
	Cộng						28.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai mươi tám triệu đồng chẵn.**

Ngày 05 tháng 09 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)**Người nhận hàng**
(Ký, họ tên)**Thủ kho**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho Cao Hồng sâm ngày 20/09

Đơn vị: Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Mẫu số 02 - VT

Địa chỉ: Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO**Số: P XK254**

Ngày 20 tháng 09 năm 2018 Nợ TK 632:

Có TK 156:

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Sơn Nam

- Lý do xuất kho: xuất kho bán hàng cho Công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân theo HĐ số 0000515.

- Địa chỉ (bộ phận):

- Xuất tại kho: hàng hóa Địa điểm: Công ty TNHH TM XNK QT Tuấn Tú

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract		Hộp	20	20	800.000	16.000.000
2	Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract		Hộp	15	15	850.000	12.750.000
	Cộng			35	35		28.750.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.**

Ngày 20 tháng 09 năm 2018

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)Người nhận hàng
(Ký, họ tên)Thủ kho
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty TNHH TM XNK
Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S06 – DNN
(Ban hành theo Thông tư số:133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2018

Tên tài khoản: Hàng hóa . Tên kho: Kho hàng hóa

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa): Chai bồ gan giải rượu

Đơn vị tính : hộp

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đổi ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu tháng 09		0					0	0	
01/09	PNK210	01/09	Nhập kho Chai bồ gan giải rượu	112	400.000	85	34.000.000			85	34.000.000	
05/09	PXK238	05/09	Xuất bán cho Công ty CP TM Thiên Phúc Nhân	632	400.000			50	20.000.000	35	14.000.000	
...	
15/09	PXK242	15/09	Xuất kho bán cho Công ty TNHH Dũng Hà	331	450.000			30	13.500.000	45	20.250.000	
...	
23/09	PXK256	23/09	Xuất kho bán cho Công ty TNHH LG innotek Việt Nam	331	450.000			40	18.000.000	35	15.750.000	
...	
			Cộng phát sinh T09			250	105.000.000	200	85.500.000			
			Dư cuối tháng 09							50	19.500.000	

Ngày 30 tháng 09 năm 2018.

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty TNHH TM XNK
Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S06 – DNN
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2018

Tên tài khoản: Hàng hóa . Tên kho: Kho hàng hóa

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa): Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract

Đơn vị tính : hộp

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu tháng 09		800.000					20	16.000.000	
12/09	PNK236	12/09	Nhập kho Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract	112	850.000	25	21.250.000			45	37.250.000	
20/09	PXK254	20/09	Xuất bán cho Công ty Việt Hàn	632	800.000			20	16.000.000	25	21.250.000	
					850.000			15	12.750.000	10	8.500.000	
...	
24/09	PXK260	24/09	Xuất kho bán cho Công ty TNHH TM phân phối thực phẩm MET	632	900.000			50	63.000.000	25	22.500.000	
...	
27/09	PXK266	27/09	Xuất kho bán cho Công ty CP sâm Ngọc Linh	632	900.000			40	36.000.000	20	20.000.000	
...	
			Cộng phát sinh T09			200	175.000.000	165	145.500.000			
			Dư cuối tháng 09							55	45.500.000	

Ngày 30 tháng 09 năm 2018.

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu 2.10: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho hàng hóa

Công ty TNHH TM XNK
Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S07 – DNN
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN KHO HÀNG HÓA

Tháng 9 năm 2018

Tài khoản 156

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Chai bổ gan giải rượu	hộp	0	0	250	105.000.000	200	85.500.000	50	19.500.000
2	Cao Hồng sâm Korean Red Ginseng Extract	hộp	20	16.000.000	200	175.000.000	165	145.500.000	55	45.500.000
...
14	Nước bổ gan Hovenia Dulcis gold	set	40	18.000.000	200	100.000.000	180	90.000.000	60	30.000.000
...
18	Trà linh chi	hộp	0	0	100	20.000.000	78	15.600.000	22	4.400.000
...
	Cộng			228.361.101		508.468.011		475.267.142		261.561.970

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
05/09	P XK 238	05/09	Bán Chai bổ gan giải rượu cho công ty CP thương mại Thiên Phúc Nhân	632	28.000.000	
				156		28.000.000
...
15/09	P XK 246	15/09	Bán Trà linh chi cho công ty TNHH Sante 365 Việt Nam	632	16.800.000	
				156		16.800.000
...
18/09	P XK 251	18/09	Bán nước bổ gan cho công ty TNHH Tuấn Minh	632	18.000.000	
				156		18.000.000
...
20/09	P XK 254	20/09	Bán Cao hồng sâm cho công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân	632	28.750.000	
				156		28.750.000
...
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính : VND

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
05/09	PXK 238	05/09	Bán hàng cho công ty CP thương mại Thiên Phúc Nhân	156	24.500.000	
...
15/09	PXK 246	15/09	Bán hàng cho công ty TNHH Sante 365 Việt Nam	156	16.800.000	
...
18/09	PXK 251	18/09	Bán hàng cho công ty TNHH Tuấn Minh	156	18.000.000	
20/09	PXK 254	20/09	Bán hàng cho công ty TNHH TMDV Hiền Vinh Quân	156	28.000.000	
...
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		875.120.557
			Cộng số phát sinh		875.120.557	875.120.557
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang
số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ khác liên quan

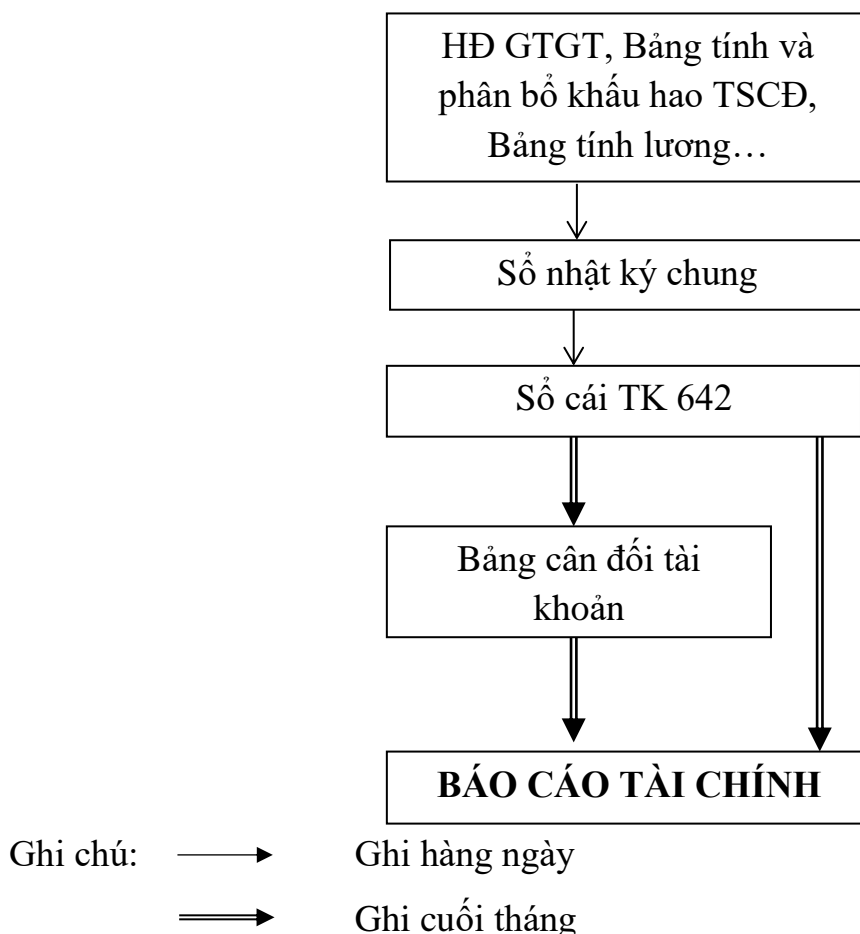
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642...

2.2.3.4 Quy trình ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2018 thanh toán tiền cho công ty viễn thông VNPT Hải Phòng theo HĐ GTGT 0001201 (*Biểu số 2.13*) với số tiền 1.664.250đ (chưa thuế VAT 10%), thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 642: 1.664.250

Nợ TK 133: 166.425

Có TK 111: 1.830.675

- Căn cứ vào HĐ GTGT0001201 (*Biểu số 2.13*) kế toán lập phiếu chi số 228 (*Biểu số 2.14*), căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001201 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (*Biểu số 2.17*), căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 642 (*Biểu số 2.18*)

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2018, Công ty chi tiền tiếp khách với trị giá 5.000.000 (chưa thuế VAT 10%)

Định khoản:



Nợ TK 642: 5.000.000

Nợ TK 133: 500.000

Có TK 111: 5.500.000

- Căn cứ vào HĐ GTGT 0001086 (*Biểu số 2.15*) kế toán lập phiếu chi số 284 (*Biểu số 2.16*), căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001086 kế toán ghi sổ Nhật ký chung (*Biểu số 2.17*), căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 642 (*Biểu số 2.18*)

Biểu số 2.13: HĐ GTGT 0001201

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)			Mẫu số:01GTKT2/001 Ký hiệu(Serial No):AA/18P															
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)				Số (No): 0001201																
Mã số thuế:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>			0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7											
Viễn thông Hải Phòng				03036537042017																
Địa chỉ: 10, Khu Phố 3/2, Thị Trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Tân Hưng, Vĩnh Bảo, Hải Phòng																				
Tên khách hàng(Customer's name): Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú																				
Địa chỉ(Address): 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng																				
Số điện thoại(Tel):0225.3729266			Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																	
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>8</td><td>4</td><td>8</td><td>3</td><td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>			0	2	0	1	2	8	4	8	3	4				
0	2	0	1	2	8	4	8	3	4											
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THANH TIỀN(AMOUNT) VND															
1	2	3	4	5	6=4x5															
	Kỳ cước tháng:11/2018																			
	a.Cước dịch vụ Viễn thông				1.664.250															
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0															
	c.Chiết khấu+Đa dịch vụ				0															
	d.Khuyến mãi				0															
	e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ																			
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):			1.664.250															
Thuế suất GTGT (VAT rate):10% x(1)=		Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):			166.425															
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):			1.830.675															
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu , tám trăm ba mươi nghìn , sáu trăm bảy mươi lăm đồng.																				
Ngày 04 tháng 12 năm 2018																				
Người nộp tiền ký(Signature of payer)				Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.14: Phiếu chi 228

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuần Tú		PHIẾU CHI		Mẫu số 02-TT	
		Số: 228			
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng		Ngày 04 tháng 12 năm 2018		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
		Nợ TK 642,133			
		Có TK111			
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền					
Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuần Tú					
Lý do chi: trả tiền hóa đơn 0001201					
Số tiền: 1.830.675đ					
(Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng.					
Kèm theo: 01 chứng từ gốc					
					Ngày 4 tháng 12 năm 2018
Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng..					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuần Tú)

Biểu số 2.15: HĐ GTGT 0001086

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01 GTKT3/002	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/18P	
Liên 2: Giao cho khách hàng.				Số: 0001086	
Ngày 15 tháng 12 năm 2018					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nhà hàng Gia Viên					
Mã số thuế: 0106176966					
Địa chỉ: 2B Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: (+84) 0902286286					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú					
Mã số thuế: 0201284834					
Địa chỉ: Thôn Dương Tiền (tại nhà ông Trần Văn Lập), Xã Trần Dương, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: Tiền Mặt; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
01	Tiếp khách				5.000.000
Cộng tiền hàng:					5.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					5.500.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.16: Phiếu chi 284

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú		PHIẾU CHI		Mẫu số 02-TT	
		Số: 284			
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng		Ngày 15 tháng 12 năm 2018		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
				Nợ TK 642,133	
				Có TK111	
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền					
Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú					
Lý do chi: trả tiền hóa đơn 0001086					
Số tiền: 5.500.000đ					
(Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng.					
Kèm theo: 01 chứng từ gốc					
Ngày 15 tháng 12 năm 2018					
Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng.					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
04/12	HD 0001201	04/12	Thanh toán tiền viễn thông VNPT	642	1.664.250	
				133	166.425	
				111		1.830.675
...
15/12	HD 0001086	15/12	Chi tiền tiếp khách	642	5.000.000	
				133	500.000	
				111		5.500.000
...
27/12	UNC024	27/12	Phí SMS	642	22.000	
				112		22.000
...
29/12	PC 356	29/12	Thanh toán tiền Internet	642	150.000	
				133	15.000	
				111		165.000
...
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính : VND

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			

04/12	HD 0001201	04/12	Thanh toán tiền viễn thông VNPT	111	1.664.250	

15/12	HD 0001086	15/12	Chi tiền tiếp khách	111	5.000.000	

27/12	UNC024	27/12	Phí SMS	112	22.000	

29/12	PC 356	29/12	Thanh toán tiền Internet	111	150.000	

31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		521.830.911
			Cộng số phát sinh		521.830.911	521.830.911
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

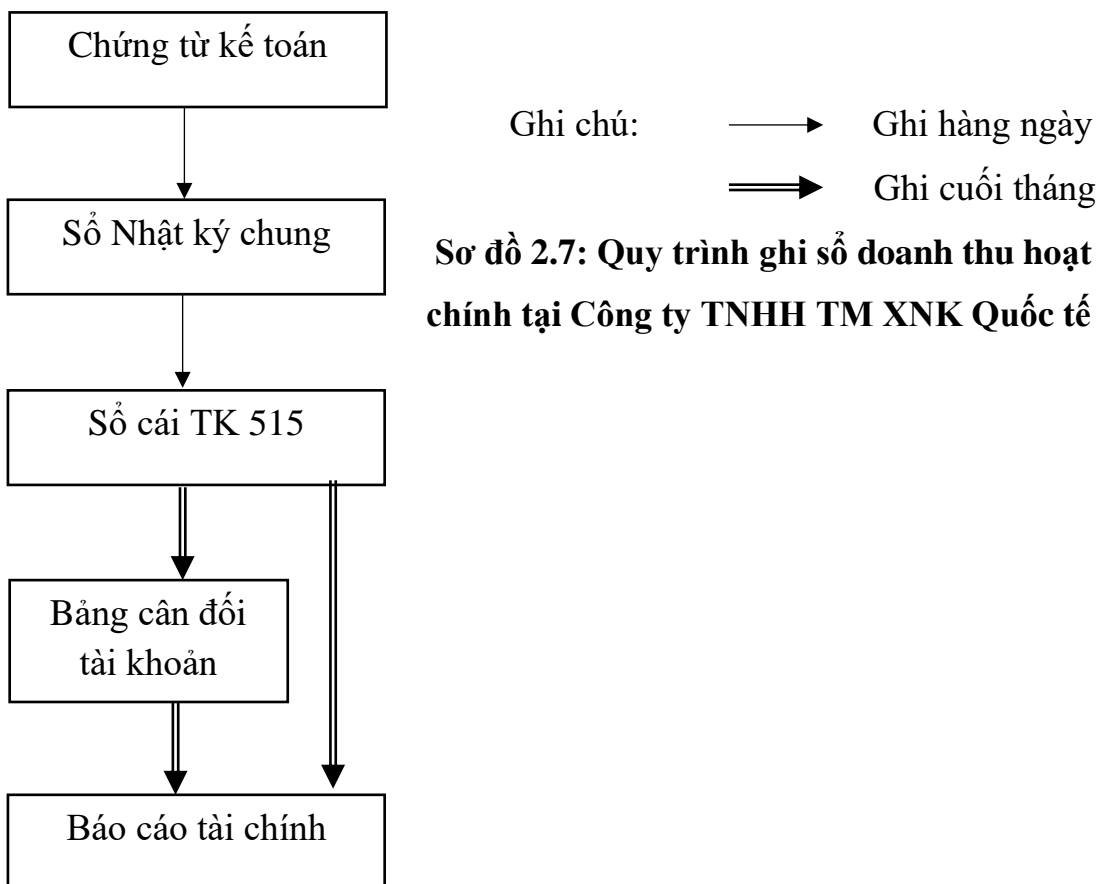
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

2.2.4.4 Quy trình ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2018, Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi Ngân hàng ACB- Chi nhánh Hải Phòng số tiền: 6.325 đồng.


Định khoản:

Nợ TK 112: 6.325

Có TK 515: 6.325

Căn cứ vào Giấy báo Có số 399 (*biểu số 2.19*). Kê toán ghi sổ Nhật ký chung (*biểu số 2.20*) từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 515 (*biểu số 2.21*).

Biểu số 2.19: Giấy báo có

	<p style="text-align: center;">GIẤY BÁO CÓ</p> <p style="text-align: center;">Ngày 31/12/2018</p>	<p>Mã GDV: NTH</p> <p>Số: 399</p>
<p>Kính gửi : Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú</p> <p>Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:</p> <p>Số tài khoản ghi Có: 14060000007897</p> <p>Số tiền bằng số: 6.325đ</p> <p>Số tiền bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng.</p> <p>Nội dung: Lãi tiền gửi.</p>		
<p>GIAO DỊCH VIÊN</p>	<p>KIỂM SOÁT</p>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

31/07	GBC 206	31/07	Lãi tiền gửi tháng 7	112 515	8.698	8.698
01/08	GBN 321	01/08	Thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản	331 112	77.000.000	77.000.000

29/09	GBC 295	29/09	Nộp tiền vào TK	112 1111	14.500.000	14.500.000

02/10	GBN 362	02/10	Phí chuyển tiền	642 133 112	61.500 6.150	67.650

31/12	GBC 399	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112 515	6.235	6.325
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu: 515

Đơn vị tính : VND

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			

31/07	GBC 206	31/07	Lãi tiền gửi tháng 7	112		8.698

30/09	GBC 296	30/09	Lãi tiền gửi tháng 9	112		8.369

31/12	GBC 399	31/12	Lãi tiền gửi	112		6.235
31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	57.622	
			Cộng số phát sinh		57.622	57.622
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang
số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.5 Thực trạng công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Tại công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú trong năm 2018 không phát sinh khoản chi phí hoạt động tài chính.

2.2.6 Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Tại công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú trong năm 2018 không phát sinh khoản thu nhập khác.

2.2.7 Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn, phiếu chi, chứng từ ngân hàng

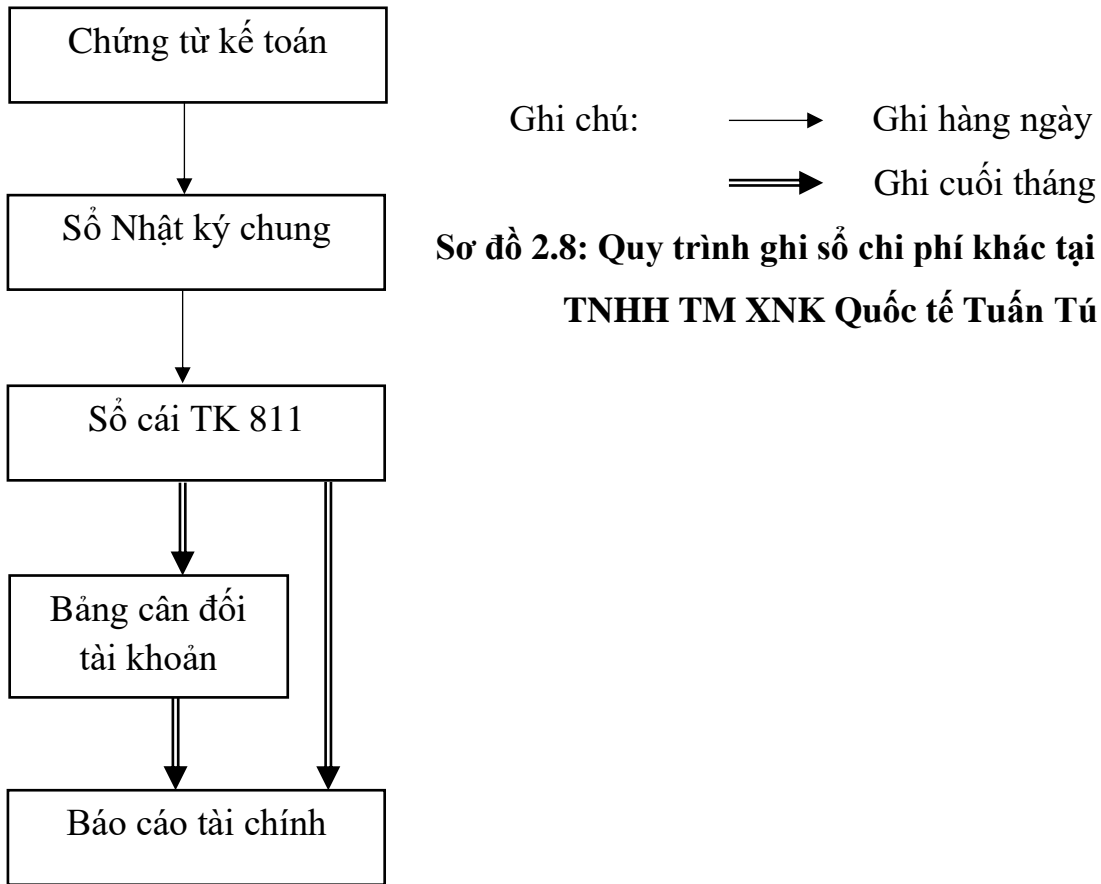
2.2.7.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811: Chi phí khác

2.2.7.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 811

2.2.7.4 Quy trình ghi sổ kế toán



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.7.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 25/9/2018, công ty nộp phạt hồ sơ kiểm tra quyết toán toán thuế tại trụ sở của cơ quan thuế với số tiền là 31.015.432đ. Căn cứ vào Biên bản kiểm tra và quyết định xử phạt của cơ quan thuế, phiếu chi tiền số 454, kế toán định khoản:

Nợ TK 811: 31.015.432

Có TK 111: 31.015.432

Căn cứ vào phiếu chi số 098 (biểu số 2.22) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23), Sổ cái tài khoản 811 (biểu số 2.24).

Biểu số 2.22: Phiếu chi 098

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú		PHIẾU CHI		Mẫu số 02-TT	
		Số: 098			
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng		Ngày 25 tháng 09 năm 2018		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)	
				Nợ TK 811	
				Có TK111	
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền					
Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú					
Lý do chi: Nộp tiền phạt vi phạm hành chính thuế					
Số tiền: 31.015.432đ					
(Viết bằng chữ): Ba mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng.					
Kèm theo: Quyết định xử phạt ngày 22/9/2018 của cơ quan thuế chứng từ gốc					
Ngày 25 tháng 09 năm 2018					
Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng.					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.23: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
22/08	PC 075	22/08	Thanh toán tiền Internet	642	150.000	
				133	15.000	
				111		165.000
...
25/08	PC 080	25/08	Nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	811	13.250.000	
				111		13.250.000
...
13/09	HĐ 000059	13/09	Bán hàng cho công ty TNHH Ngọc Phát chưa thanh toán	131	17.160.000	
				511	15.600.000	
				3331		1.560.000
...
25/09	PC 098	25/09	Nộp tiền vi phạm thuế	811	31.015.432	
				111		31.015.432
...
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 811

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018
Tên tài khoản: Chi phí khác
Số hiệu: 811

Đơn vị tính : VNĐ

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
25/08	PC 080	25/08	Nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	111	13.250.000	
...
25/09	PC 098	25/09	Nộp tiền vi phạm thuế	111	31.015.432	
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		253.483.676
			Cộng số phát sinh		253.483.676	253.483.676
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.8 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

2.2.8.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

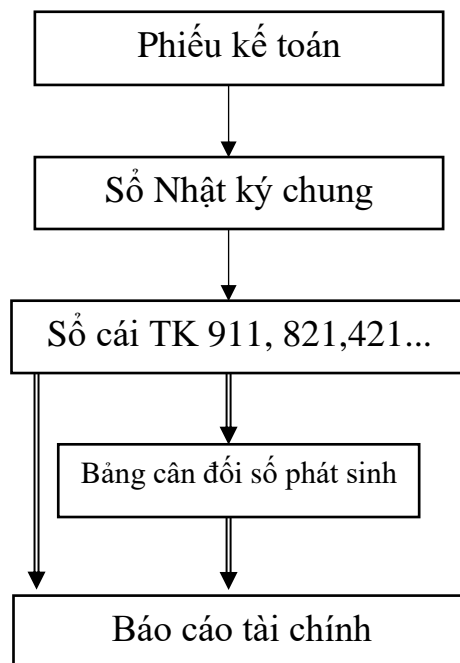
2.2.8.2 Tài khoản sử dụng

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: TK 511, TK 515, TK 632, TK642, TK821.

2.2.8.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, TK 421, TK 511, TK 515, TK 632, TK 642 , TK821.

2.2.8.4 Quy trình ghi sổ kế toán



Ghi chú : Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇨

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

2.2.8.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2018:

Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu

$$= 1.424.442.197 - 0$$

$$= 1.424.442.197$$

Lãi gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

$$= 1.424.442.197 - 875.120.557$$

$$= 549.321.640$$

Lợi nhuận thuần = Lãi gộp + (Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính) – Chi phí quản lý kinh doanh

$$= 549.321.640 + (57.622 - 0) - 521.830.911$$

$$= 27.548.351$$

Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần + Thu nhập khác – chi phí khác

$$= 27.548.351 + (0 - 253.483.676)$$

$$= - 225.935.325$$

Lợi nhuận kế toán sau thuế = - 225.935.325 – 0

$$= - 225.935.325$$

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển:

a. Nợ TK 511: 1.424.442.197

Nợ TK 515: 57.622

Có TK 911: 1.424.499.819

b. Nợ TK 911: 1.650.435.144

Có TK 632: 875.120.557

Có TK 642: 521.830.911

Có TK 811: 253.483.676

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 135

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 135

Năm 2018

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1.424.442.197
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	57.622
	Cộng			1.424.499.819

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 136

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 136

Năm 2018

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	875.120.557
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	521.830.911
3	Kết chuyển chi phí khác	911	811	253.483.676
	Cộng			1.650.435.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 137

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 137

Năm 2018

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	421	911	225.935.325
	Cộng			225.935.325

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)*

Biểu số 2.28: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển DTBH	511	1.424.442.197	
				911		1.424.442.197
31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	57.622	
				911		57.622
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	875.120.557	
				632		875.120.557
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911	521.830.911	
				642		521.830.911
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	253.483.676	
				811		253.483.676
31/12	PKT 137	31/12	Kết chuyển lỗ	421	225.935.325	
				911		225.935.325
			Cộng phát sinh		8.842.414.868	8.842.414.868

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911

Đơn vị tính : VNĐ

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển DTBH và cung cấp dịch vụ	511		1.424.442.197
31/12	PKT 135	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515		57.622
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	875.120.557	
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	521.830.911	
31/12	PKT 136	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	253.483.676	
31/12	PKT 137	31/12	Kết chuyển lỗ	421		225.935.325
			Cộng số phát sinh		1.650.435.144	1.650.435.144
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số hiệu: 421

Đơn vị tính : VNĐ

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			161.106.443
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 137	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911	225.935.325	
			Cộng số phát sinh		225.935.325	
			Số dư cuối kỳ			64.828.882

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang
số.....đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
MST: 0201284843

Mẫu số: B02-DNN
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.424.442.197	3.939.087.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		1.424.442.197	3.939.087.009
4. Giá vốn hàng bán	11		875.120.557	3.164.800.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		549.321.640	774.286.747
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		57.622	137.653
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		521.830.911	1.434.712.136
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30		27.548.351	(660.287.736)
10. Thu nhập khác	31		0	992.350.000
11. Chi phí khác	32		253.483.676	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(253.483.676)	992.350.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(225.935.325)	332.062.264
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	66.392.456
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		(225.935.325)	265.669.808

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo

pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM XNK QUỐC TẾ TUẤN TÚ

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán, doanh thi, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

3.1.1 Ưu điểm

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương XNK Quốc tế Tuấn Tú. Bởi nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng,... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban Giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ thành phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Về bộ máy quản lý:

Công ty tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý.

Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức Nhật ký chung và áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính, có ưu điểm mang tính áp dụng thực tế cao, linh hoạt, doanh nghiệp có cơ hội lựa chọn, mẫu sổ đơn giản,

để làm, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc trong phòng kế toán, từ đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, nhanh chóng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.2 Hạn chế

3.1.2.1 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.1.2.2 Về hệ thống các sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí trong công ty

Tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú, việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh, song công ty vẫn còn hạn chế trong việc chưa mở Sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi chi tiết tại Công ty. Cụ thể đó là:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở Sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Do vậy, việc Công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu và giá vốn khiến cho doanh nghiệp không theo dõi được lãi gộp của từng mặt hàng để xác định cơ cấu mặt hàng tối ưu.

3.1.2.3 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty cần áp dụng chiết khấu thanh toán bởi vì khi công ty sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng thu hồi được tiền hàng trước hạn, tránh được tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của công ty.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu trên và với những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú như sau:

❖ Ý kiến thứ nhất: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán

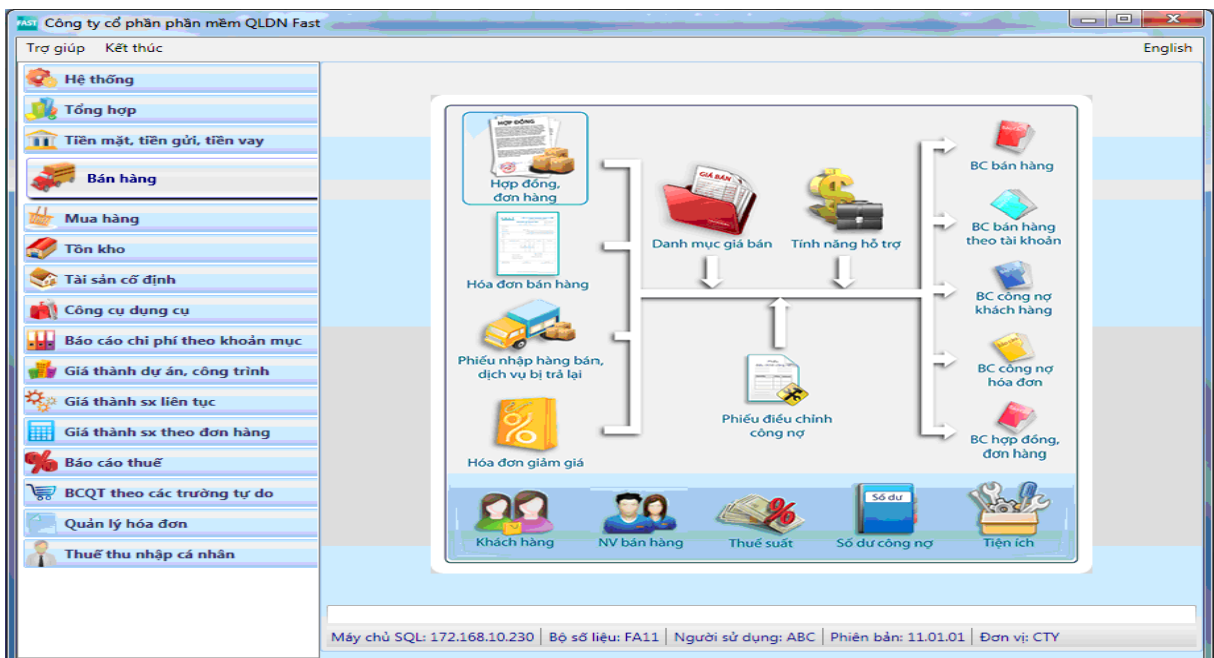
- Lý do kiến nghị: Hiện tại Công ty TNHH Thương mại XNK Quốc tế Tuấn Tú đã sử dụng Excel trong công tác kế toán. Nhưng ứng dụng Excel làm cho Công ty tốn nhiều thời gian và nhân lực mà lại không đem lại hiệu quả triệt để.

- Mục đích giải pháp: Cải thiện công tác quản lý, thu nhập, xử lý số liệu phòng kế toán. Tiết kiệm thời gian cũng như khối lượng công việc cho các nhân viên kế toán.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, FAST ACCOUNTING, ...

Một số giao diện về các phần mềm kế toán phổ biến hiện nay:

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting

- Hiệu quả của giải pháp: Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được thời gian, chi phí, nhân công và đạt được hiệu quả cao. Các dữ liệu được bảo quản an toàn và chuyên nghiệp.

❖ ***Ý kiến thứ hai: Tiến hành mở thêm các sổ chi tiết theo dõi khoản doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng***

Hiện tại công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thương mại... Tuy nhiên công ty chưa mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

Vì vậy, công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng loại hàng hoá.

- Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn từng loại hàng hoá, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng hoá nào có hiệu quả hay không có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp đầu tư vào các loại hàng hoá mang lại lợi nhuận cao và ngược lại.

- Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hoá.

Dưới đây là các mẫu sổ cần bổ sung và một số ví dụ minh họa:

☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết bán hàng Đông trùng hạ thảo tại Công ty (*Biểu số 3.1*)

☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết giá vốn hàng bán Đông trùng hạ thảo tại Công ty (*Biểu số 3.2*)

☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty (*Biểu số 3.3*)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): **Đông trùng hạ thảo**
Tháng 04 năm 2018

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
15/04	HĐ0000198	15/04	Bán Đông trùng hạ thảo tại quầy	111	15	980.000	14.700.000		
...
29/04	HĐ0000289	29/04	Bán Đông trùng hạ thảo tại quầy	111	22	900.000	19.800.000		
...
			Cộng số phát sinh		1.300		54.200.000		
			- Doanh thu thuần				54.200.000		
			- Giá vốn hàng bán				48.858.000		
			- Lãi gộp				5.342.000		

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày 30 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ): **Đông trùng hạ thảo**

Tháng 04 năm 2018

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
....
15/04	PXK 189	15/04	Bán Đông trùng hạ thảo tại quầy	111	14.700.000	15	980.000
...
18/04	PXK 196	18/04	Bán Đông trùng hạ thảo tại quầy	111	25.350.000	26	975.000
29/04	PXK 227	29/04	Bán Đông trùng hạ thảo tại quầy	111	19.800.000	22	900.000
...
			Cộng phát sinh trong kỳ		48.858.000	1.300	

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày 30 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú
Đường 17A – Trần Dương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH
Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
Tháng 04 năm 2018

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						TK 6421	TK 6422
			Số phát sinh trong kỳ				
01/04	PC 158	01/04	Tiền điện thoại	111			962.484
....
30/04	BN832	30/04	Ngân hàng ACB thu phí dịch vụ	112			22.000
30/04	PBL04	30/04	Phải trả lương NVBH tháng 04	334	23.000.000	23.000.000	
...
			Cộng phát sinh trong kỳ		111.147.000	48.950.000	62.197.000

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày 30 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Ý kiến thứ ba: Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty cần áp dụng chiết khấu thanh toán bởi vì khi công ty sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng thu hồi được tiền hàng trước hạn, tránh được tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của công ty

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp trong cùng ngành với công ty.

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Ví dụ: Ngày 12/06/2018: bán hàng cho công ty TNHH Tân Phú chưa thu tiền.

Định khoản:

Nợ 131 : 62.590.000

Có 511 : 56.900.000

Có 3331 : 5.690.000

Sau đó ngày 15/06/2018: Công ty TNHH Tân Phú đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng ngày 12/06/2018, mặc dù hạn thanh toán là ngày 10/07/2018. Công ty TNHH Tân Phú đã thanh toán trước 25 ngày. Kế toán công ty tính chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Tân Phú với mức chiết khấu là 8,5% như sau:

Số tiền chiết khấu được tính như sau:

$$8,5\%/360*25* 62.590.000 = 369.455$$

Định khoản:

Nợ TK 635 : 369.455

Có TK 111: 369.455

KẾT LUẬN

Kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
2. Đặng Thị Loan (2016), Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
4. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH TM XNK Quốc tế Tuấn Tú (2018).
5. Một số trang web: <http://webketoan.com>, <http://ketoanthucte.com>.